

KHÁI NIỆM VỀ KHÍ TRONG PHONG THỦY

PGs Lê Kiều

Khí là khái niệm có thể gọi là phổ biến và bao trùm của phong thủy. Trong đời sống hàng ngày thì khí hoặc hơi là một trạng thái của vật chất có mật độ loãng, thông thường là lơ lửng trong không gian. Ngoài ra khí có thể chứa trong những khoảng không giữa các hạt rắn, hòa tan trong thể lỏng. Nhưng khí trong phong thủy lại trừu tượng hơn vì phong thủy cho rằng khí tồn tại ở mọi nơi và cấu tạo nên vạn vật. Khí không ngừng biến hóa, không ngừng vận động. Khí chuyển động tạo ra gió (phong). Khí tích tụ sẽ biến thành nước (thủy) chảy trong mạch ngầm, trong sông ngòi hoặc tụ trong ao hồ. Cho nên nghiên cứu **Phong Thủy** thì chính là nghiên cứu sự biến hóa của **khí** mà thôi. Đây là những khái niệm duy vật về khí. Phong thủy lại có những luận lý duy tâm về khí khi xem xét những khái niệm như sinh khí, tử khí, dương khí, âm khí, thổ khí, địa khí, thừa khí, nạp khí, khí mạch ... là những suy diễn sản phẩm của tư duy trừu tượng về sự biến hóa của khí. Lý khí - thuật xử lý về khí- là sự suy đoán của thầy phong thủy về sự vận động của khí theo những cơ sở hiểu biết của thầy để luận ra sinh khí, tránh lương tử khí.

Phong thủy quan niệm rằng thế giới từ không đến có. Khí là nguyên gốc. Từ khí sinh đôi thành âm dương. Sau đó lại phân thành năm vật chất là kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Sự thịnh, suy, còn mất của những vật chất này có những qui luật của nó. Ngoài ra những vật chất này lại gắn với những điều may mắn và điều tai hại và có thể dự báo được những điều may mắn hay tai hại này.

Sinh khí là điều mong ước và điều phải đạt nếu muốn được lành. Tử khí là điều dữ cần tránh và tìm mọi cách để tránh. Mỗi tháng, theo phương vị, sinh khí hoặc tử khí xuất hiện ở phương vị khác nhau. Động thổ ở phương vị sinh khí thì tốt lành, nếu động thổ ở phương vị có tử khí thì chịu điều dữ.

Phong thủy quan niệm rằng khí âm dương thổ dài là gió, bay lên là mây, rơi xuống là mưa, di chuyển trong lòng đất là sinh khí. Sinh khí tạo ra vạn vật. Thực chất thì quan niệm này phát sinh từ những quan sát thô sơ về sự chuyển hóa của nước mà thôi. Tại sao người xưa cho rằng khí di chuyển trong lòng đất tạo ra sinh khí. Đó là do quan sát khi có dòng ngầm dưới đất, cây cỏ trên mặt đất được tươi tốt hơn. Cụ Tả Ao xưa khuyên rằng, khi luận định long mạch, tức là nhìn nhận mạch khí trong đất phải quan sát thế đất để biết hướng mạch di chuyển. Nhiều khi mạch đi không phải chỉ lộ ra bề mặt đất mà nhìn cây cỏ trên mặt đất có thể luận đoán mạch ngầm. Có mạch sinh khí chảy ngầm thì cây cỏ bên trên tươi tốt, nếu mạch tử khí thì khô cần cháy

xém. Mạch lại có mạch cường, mạch nhược, mạch sinh, mạch tử. Thế mạch hùng vĩ, to lớn, thủy đầu là mạch cường. Mạch nhỏ nhẹ, thanh nhã là mạch nhược. Mạch nhìn linh động như rồng trườn thân, vẩy đuôi là mạch sinh. Mạch đườn đưỡn ngay đơ bập bênh như cá chết nổi trên dòng nước lơ lơ là mạch tử.

Khi quan sát tìm mạch phải am tường địa lý, địa chất, địa mạo, thủy văn và địa chất thủy văn. Những kiến thức của các lĩnh vực này nhuần nhuyễn thành một dạng tổng hợp đến biến thành cảm thụ thiên nhiên. Xem xong một thế đất, người quan sát sau khi luận đoán bằng kiến thức và logic phải biến thành một thứ tình cảm rung động bằng trái tim để thấy đất trời với con người hòa nhập thành một thứ hòa đồng.

Trước hết phải nhắc lại ý niệm cơ bản của Dịch học là: Thái cực và Lưỡng nghi. “Dịch hữu Thái cực, thị sinh Lưỡng nghi, Lưỡng nghi sinh Tứ tượng, Tứ tượng sinh Bát quái”. Chữ “sinh” đây được hiểu như “*biến hóa thành*”. Phong thủy thì nhận thức rằng Thái cực là một thứ “*khí tiên thiên*” vô cùng huyền diệu trong đó tiềm ẩn nguyên lý Âm Dương. Lưỡng nghi là Âm và Dương. Âm và Dương hòa quyện không tách rời mà chỉ có tỷ lệ từng thứ trong đó biến đổi mà tạo thành vạn vật. Đây cũng là khái niệm rất cơ bản để biến hóa tiếp ra cách sắp đặt phương vị trong thời Trung hoa cổ.

Để xác định phương vị khi đi khảo sát đất đai, nghề phong thủy dùng dụng cụ gọi là la bàn. La bàn lớn gọi là La kinh. La bàn nhỏ gọi là trốc long. Trên la bàn, la kinh hay trốc long vẽ nhiều vòng tròn và các vạch xuyên tâm chia phương vị.

Đời Minh có Từ chi Mạc soạn “La kinh đỉnh môn tâm” có 2 quyển chỉ nam tâm. Sách này cho rằng la kinh lúc đó có 24 hướng, bỏ quên 12 chi của tiên thiên, nên thêm 12 chi, chia làm 33 tầng, trình bày bằng chữ và hình vẽ. Ngoài ra, sách còn một phụ lục do Chu Chi Tương vẽ.

Thẩm Thăng đời Minh cũng soạn “La kinh tiêu nạp chính tông” bàn về tiêu nạp khí trong 72 long mạch.

Chính giữa la bàn gắn một kim nam châm có trục quay. Phần dưới kim là các vòng tròn đồng tâm và những tia đi qua trục kim nam châm ghi phương vị. Trong các vòng tròn (thường là ba vòng) thì vòng trong cùng là vòng địa bàn, vòng giữa là vòng nhân bàn và vòng ngoài cùng là vòng thiên bàn. La kinh có thể có tới 13 vòng.

Nếu chỉ có ba vòng thì vòng thiên bàn dùng xem hướng nước tụ, nước chảy. Vòng địa bàn để ấn định long mạch. Vòng nhân bàn để luận sự tốt xấu của các gò đồng (mà phong thủy gọi là các **sa**). Vòng tròn được chia thành 24 ô, mỗi ô ứng với 15° (toàn vòng 360°).

Nếu lấy vòng địa bàn làm gốc thì vòng thiên bàn lệch về phải nửa ô và vòng nhân bàn lệch về trái nửa ô.

Tại tâm thường làm một vòng nhỏ, chia thành hình âm, dương. Nhận thức là Thái cực sinh Lưỡng nghi. Lưỡng nghi sinh Tứ tượng. Tứ tượng là Thái dương, Thái âm, Thiếu dương, Thiếu âm. Đó chính là bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc. Cách xác định phương vị trước thời Tàn chép: Khi đi, trước mặt là chu tước, thì sau lưng là huyền vũ, còn bên tả là thanh long thì bên hữu, bạch hổ. Điều này có nghĩa là, trước mặt là nam thì sau lưng là bắc, bên trái là đông thì bên phải là tây.

Chính Bắc ghi chữ Tý, chính Nam ghi chữ Ngọ, chính Đông ghi chữ Mão, chính Tây ghi chữ Dậu. Kể theo chiều kim đồng hồ thì lần lượt 24 ô như sau: Mão, Ất, Thìn, Tốn, Ty, Bính, Ngọ, Đinh, Mùi, Khôn, Thân, Canh, Dậu, Tân, Tuất, Càn, Hợi, Nhâm, Tý, Quý, Sửu, Cấn, Dần, Giáp.

Tứ tượng sinh Bát quái, ngoài tứ tượng đã có lập lại trong bát quái còn thêm bốn hướng của Bát quái là : Càn, Khôn, Cấn, Tốn. Đó chính là các hướng Tây bắc, Tây nam, Đông nam, Đông bắc.

Như thế, phương Đông có Giáp, Mão, Ất. Đông Nam có Thìn, Tốn, Ty. Nam có Bính, Ngọ, Đinh. Tây Nam có Mùi, Khôn, Thân. Tây có Canh, Dậu, Tân. Tây Bắc có Tuất, Càn, Hợi. Bắc có Nhâm, Tý, Quý. Đông Bắc có Sửu, Cấn, Dần.

Các hướng thuộc Địa chí là : Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Ty, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi (12 hướng địa chí). Tám hướng thuộc thập can là : Giáp, Ất, Bính, Đinh, Canh, Tân, Nhâm, Quý (bỏ Mậu, Kỷ trong thập can).

Các hướng xếp đối xứng gọi là bát sơn đối diện gồm: Càn-Tốn, Khảm-Ly, Cấn-Khôn, Chấn-Đoài. Bắc thuộc Khảm, Đông thuộc Chấn, Nam thuộc Ly, Tây thuộc Đoài.

Phân vị theo Ngũ hành thì chính giữa là hành Thổ, Bắc thuộc hành Thủy, Đông thuộc hành Mộc, Nam hành Hỏa, Tây hành Kim. Còn cách gọi khác : Thủy là Nhuận hạ, Hỏa là Viên thượng, Mộc là Khúc trực, Kim là Tòng cách, Thổ là Gia tường.

Trên đây ta chỉ xét đến Chính ngũ hành dùng phổ biến trong phong thủy. Ngoài ra còn Bát quái ngũ hành và Hồng phạm ngũ hành cũng là loại ngũ hành thường dùng. Còn Tứ kinh ngũ hành, Tam hợp ngũ hành, Tứ sinh ngũ hành, Song sơn ngũ hành, Huyền không ngũ hành, Hướng thượng ngũ hành, Nạp âm ngũ hành ...không thể kể hết được.

Cụ thể của phong thủy thì thế đất tròn là Kim, thế dài là Mộc, thế nhọn là Hỏa, thế vuông là Thổ. thế như sóng gợn là Thủy.

Khi chọn đất phải dựa vào ngũ hành tương sinh mà luận đoán. Tránh ngũ hành tương khắc là điều thầy phong thủy tâm niệm hàng ngày.

Ngoài ra quan hệ giữa Thiên, Địa, Nhân còn có quy ước: Tý là Nhân huyệt, Cấn là Quỷ môn, Tốn là Địa hộ, Bính là Địa huyệt, Khôn là Nhân môn, Canh là Thiên huyệt, Càn là Thiên môn.

Trong quá trình xem xét phương vị thì tiên thiên bát quái của Phục hi để phối hợp Âm Dương. Hậu thiên bát quái của Văn vương để xếp các Hào Tượng.

Như trên đã biết, dù dương trạch là phong thủy để xem về nhà cửa hay âm trạch để xem về mồ mả đều phải chú ý đón nhận sinh khí, tránh tử khí. Mỗi tháng trong năm vị trí sinh khí, tử khí xuất hiện thay đổi.

Tháng Giêng sinh khí tại Tý, Quý, tử khí tại Ngọ, Đinh.

Tháng Hai sinh khí tại Sửu, Cấn, tử khí tại Mùi, Thân.

Tháng Ba sinh khí tại Dần, Giáp, tử khí tại Thân, Canh.

Tháng Tư sinh khí tại Mão, Ất, tử khí tại Dậu, Tân.

Tháng Năm sinh khí tại Thìn, Tốn, tử khí tại Mậu, Càn.

Tháng Sáu sinh khí tại Tị, Bính, tử khí tại Tí, Quý.

Tháng Bảy sinh khí tại Ngọ, Đinh, tử khí tại Tí, Quý.

Tháng Tám sinh khí tại Mùi, Khôn, tử khí tại Sửu, Cấn.

Tháng Chín sinh khí tại Thân, Canh, tử khí tại Dần, Giáp.

Tháng Mười sinh khí tại Dậu, Tân, tử khí tại Mão, Ất.

Tháng Mười một sinh khí tại Mậu, Càn, tử khí tại Thìn, Tốn.

Tháng Mười hai sinh khí tại Hợi, Nhâm, tử khí tại Kỷ, Bính.

Khi luận về lý khí, trước tiên là đối chiếu mặt đất cụ thể với la bàn để định phương vị rồi theo đó tra cứu xem ứng với thời gian để biết sinh khí, tử khí. Còn tùy yêu cầu công việc cần dự báo mà xem hào tượng (các quẻ) để phán đoán tiếp.

Thực ra thì thuyết lý khí còn rất mông lung, chưa đủ căn cứ khoa học để xác định sai đúng. Nó tồn tại như một dạng sản phẩm tinh thần được gọi là hiện tượng văn hóa. Hiểu nó cũng là điều thú vị./.

PHƯƠNG VỊ TRONG PHONG THỦY

Gs. Lê Kiều

Phong thủy tồn tại trên hai nghìn năm mà cực thịnh là thời Minh , Thanh bên Trung quốc, khoảng năm 1369 đến đầu thế kỷ này.

Phong thủy nghiên cứu về thiên văn , về sao trời, vũ trụ , về trái đất, về khí tượng, về địa thế làm nhà, đặt mồ mả nên vừa gần với con người lại vừa xa con người. Lý luận cơ bản của phong thủy (kinh dịch, âm dương ngũ hành) thì rất trừu tượng, thuật ngữ sử dụng thì khác lạ với ngôn từ dùng hàng ngày tạo ra cho phong thủy một dạng vẻ bí hiểm. Đọc phong thủy và nghe về phong thủy thấy một không khí sống, chết đan xen , đất trời hòa nhập, rõ không ra rõ, mờ không ra mờ làm cho quần chúng tin thì có thể tin, có thể không tin thì cũng sợ. Thầy phong thủy lại thêm dệt bao chuyện ly kỳ, gán một số quan niệm phong thủy vào các sự kiện lịch sử, tô vẽ cho phong thủy có bộ mặt thần bí.

Lý luận và thực tiễn của phong thủy vô cùng phức tạp. Để xem một thế đất đặt mả phần lớn thầy địa lý phải ở nhà gia chủ cả năm trời, sáng cơm rượu rồi đi ngắm nghĩa đất trời rong ruổi ngoài đồng. Chiều về đọc sách (chẳng hiểu sách gì), khểnh duỗi tư duy để rồi sẩm chiều lại cơm rượu. Năm nay người chết, xem đất một năm chờ năm sau cải táng đặt vào nơi đất chọn. Thành kính và đợi chờ đất phát. Chờ mãi không thấy phát lại ngẫm suy tại mình tâm chưa thành, lòng chưa kính hay thậm chí hối vì dãi thầy chưa hậu.

Ngay vài năm gần đây trong câu chuyện làm nhà ở ta, chắc không ít người cạy thầy phong thủy. Vào những năm 1991-1993 nhà đất vào cơn thịnh vượng thì nhiều người làm nên ăn ra tưởng đâu như vì nhờ thầy mà phát. Nhưng sang 1995-1996 nhà vay tiền làm, những mong tây thuê để thu hồi vốn nhưng biến treo " house for rent" cả thời gian dài dài chẳng ai ngó hỏi. Nợ vẫn chất chồng, lãi mẹ đẻ lãi con, chắc cũng chẳng ai đi trách thầy phong thủy. Thầy phong thủy nào chẳng nói như tép nhảy, lại đệm những từ như minh đường, huyền vũ, bạch hổ, thanh long, chủ nhà chỉ còn cách gặt đầu lia lịa xuýt xoa khen thầy và tự hào mình đã được đặt ngang mình cùng thầy đạo cao đức trọng.

Nước Trung hoa từ sau 1949 thuật phong thủy bị đả kích nặng nề, không dám công khai lộ diện nhưng nó lại được Hồng công, Đài loan nâng đỡ. Nó cứ dai dẳng tồn tại có lúc rõ hình, có lúc lu mờ, kín đáo.

Điều khẳng định là nó tồn tại dai dẳng. Vậy cái lý để nó tồn tại là cái gì. Có người xếp phong thủy như một hiện tượng văn hóa, vì nó sống trong phần hồn của con người.

Trong phong thủy và thuật phong thủy có cái lý giải được theo khoa học là địa hình, địa thế làm nhà chịu ảnh hưởng của địa chất công trình, địa chất thủy văn, vi khí hậu. Xem thế đất làm nhà chính là chọn cho ngôi nhà theo các điều kiện thuận lợi về phương vị, khí hậu, địa chất công trình tốt, địa chất thủy văn phù hợp. Đây chính là khâu điều tra cơ bản để chọn địa điểm xây dựng. Từ môi trường vi khí hậu tốt mà chủ nhà có sức khỏe tốt, tâm lý tốt, làm nên ăn ra. Đây là những nhân tố tích cực.

Làm cho phong thủy thần bí, võ đoán như thế đất này thì đau mắt, thế đất kia con gái lại góa chồng là điều nhảm nhí.

Đọc phong thủy, tìm hiểu phong thủy để tìm ra yếu tố để nó tồn tại như hiện tượng văn hóa, dùng nhãn quan khoa học để khen cái được, chê cái bịa đặt là điều cần làm. Đối chiếu những điều đã có trong phong thủy và thuật phong thủy, gạn đục khơi trong với phong thủy là điều có thể làm được.

Để xác định phương vị khi đi khảo sát đất đai, nghề phong thủy dùng dụng cụ gọi là la bàn. La bàn lớn gọi là La kinh. La bàn nhỏ gọi là trốc long. Trên la bàn, la kinh hay trốc long vẽ nhiều vòng tròn và các vạch xuyên tâm chia phương vị.

Đời Minh có Từ chi Mạc soạn "La kinh đỉnh môn tâm" có 2 quyển chỉ nam tâm. Sách này cho rằng la kinh lúc đó có 24 hướng, bỏ quên 12 chi của tiên thiên, nên thêm 12 chi, chia làm 33 tầng, trình bày bằng chữ và hình vẽ. Ngoài ra, sách còn một phụ lục do Chu Chi Tương vẽ.

Thẩm Thăng đời Minh cũng soạn "La kinh tiêu nạp chính tông" bàn về tiêu nạp khí trong 72 long mạch.

Chính giữa la bàn gắn một kim nam châm có trụ quay. Phần dưới kim là các vòng tròn đồng tâm và những tia đi qua trục kim nam châm ghi phương vị. Trong các vòng tròn (thường là ba vòng) thì vòng trong cùng là vòng địa bàn, vòng giữa là vòng nhân bàn và vòng ngoài cùng là vòng thiên bàn. La kinh có thể có tới 13 vòng.

Nếu chỉ có ba vòng thì vòng thiên bàn dùng xem hướng nước tụ, nước chảy. Vòng địa bàn để ấn định long mạch. Vòng nhân bàn để luận sự tốt xấu của các gò đồng (mà phong thủy gọi là các **sa**). Vòng tròn được chia thành 24 ô, mỗi ô ứng với 15° (toàn vòng 360°).

Nếu lấy vòng địa bàn làm gốc thì vòng thiên bàn lệch về phải nửa ô và vòng nhân bàn lệch về trái nửa ô.

Tại tâm thường làm một vòng nhỏ, chia thành hình âm, dương. Nhận thức là Thái cực sinh Lưỡng nghi. Lưỡng nghi sinh Tứ tượng. Tứ tượng là Thái dương, Thái âm, Thiếu dương, Thiếu âm. Đó chính là bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc. Cách xác định phương vị trước thời Tần chép: Khi đi, trước mặt là chu tước, thì sau lưng là huyền vũ, còn bên tả là thanh long thì bên hữu, bạch hổ. Điều này có nghĩa là, trước mặt là nam thì sau lưng là bắc, bên trái là đông thì bên phải là tây.

Chính Bắc ghi chữ Tý, chính Nam ghi chữ Ngọ, chính Đông ghi chữ Mão, chính Tây ghi chữ Dậu. Kể theo chiều kim đồng hồ thì lần lượt 24 ô như sau: Mão, Ất, Thìn, Tốn, Ty, Bính, Ngọ, Đinh, Mùi, Khôn, Thân, Canh, Dậu, Tân, Tuất, Càn, Hợi, Nhâm, Tý, Quý, Sửu, Cấn, Dần, Giáp.

Chuyện lưu truyền, khi Quản Lộ (đời Tam quốc) đi về phía Tây gặp mộ Vô Hưu Kiệm thì than thở, không vui mà nhận xét: Cây cối tuy nhiều mà từ lâu không có bóng, bia mộ lời ghi hoa mỹ nhưng không có hậu để giữ gìn, huyền vũ khuất mất đầu, thanh long không có chân, bạch hổ đang ngậm xác chết, chu tước đang rên rỉ, mối nguy đã phục khắp bốn bề, họa diệt tộc ắt là sắp đến, không quá hai năm sẽ ứng nghiệm.

Quách Phác trong “ Táng kinh” dặn rằng: Thanh long bên trái, bạch hổ bên phải, chu tước đằng trước, huyền vũ đằng sau, muốn được mờ yên mà đẹp thì huyền vũ phải cúi đầu, chu tước đang cánh, thanh long uốn khúc, bạch hổ quy thuận. Khi nhìn thế đất đồng thời phải nhìn màu đất. Nếu ta thăm đàn tế xã tắc ở công viên Trung Sơn Bắc Kinh thì thấy phương Đông thanh long, đất màu xanh cây cỏ, phương Tây Bạch hổ màu đất trắng bạc, phương Nam chu tước đất đỏ màu hồng, phương Bắc huyền vũ đất có màu đen. Giữa đàn cúng, đất màu vàng tượng trưng cho Người.

Tứ tượng sinh Bát quái, ngoài tứ tượng đã có lặp lại trong bát quái còn thêm bốn hướng của Bát quái là : Càn , Khôn, Cấn, Tốn. Đó chính là các hướng Tây bắc, Tây nam, Đông nam, Đông bắc.

Như thế, phương Đông có Giáp, Mão, Ất. Đông Nam có Thìn, Tốn, Ty. Nam có Bính, Ngọ, Đinh. Tây Nam có Mùi, Khôn, Thân. Tây có Canh, Dậu, Tân. Tây Bắc có Tuất, Càn, Hợi. Bắc có Nhâm, Tý, Quý. Đông Bắc có Sửu, Cấn, Dần.

Các hướng thuộc Địa chí là : Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Ty, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi (12 hướng địa chí). Tám hướng thuộc thập can là : Giáp, Ất, Bính, Đinh, Canh, Tân, Nhâm, Quý (bỏ Mậu, Kỷ trong thập can).

Các hướng xếp đối xứng gọi là bát sơn đối diện gồm: Càn-Tốn, Khảm-Ly, Cấn-Khôn, Chấn-Đoài. Bắc thuộc Khảm, Đông thuộc Chấn, Nam thuộc Ly, Tây thuộc Đoài.

Phân vị theo Ngũ hành thì chính giữa là hành Thổ, Bắc thuộc hành Thủy, Đông thuộc hành Mộc, Nam hành Hỏa, Tây hành Kim. Còn cách gọi khác : Thủy là Nhuận hạ, Hỏa là Viên thượng, Mộc là Khúc trực, Kim là Tòng cách, Thổ là Gia tường.

Trên đây ta chỉ xét đến Chính ngũ hành dùng phổ biến trong phong thủy. Ngoài ra còn Bát quái ngũ hành và Hồng phạm ngũ hành cũng là loại ngũ hành thường dùng. Còn Tứ kinh ngũ hành, Tam hợp ngũ hành, Tứ sinh ngũ hành, Song sơn ngũ hành, Huyền không ngũ hành, Hướng thượng ngũ hành, Nạp âm ngũ hành ...không thể kể hết được.

Cụ thể của phong thủy thì thế đất tròn là Kim, thế dài là Mộc, thế nhọn là Hỏa, thế vuông là Thổ. thế như sóng gợn là Thủy.

Khi chọn đất phải dựa vào ngũ hành tương sinh mà luận đoán. Tránh ngũ hành tương khắc là điều thầy phong thủy tâm niệm hàng ngày.

Theo Hồng Vũ cấm thư luận về ngũ hành tương ngộ thì thủy giao thủy, nam nữ tất dâm. Phương Bắc thuộc Thủy. Nếu có nước thấm nhập từ phương Bắc vào khu đất ta ở hay mộ phần thì con cái không ổn thỏa. Nếu dựng nhà quay mặt hướng Nam thì sau nhà là huyền vũ. Huyền vũ phải là thế đất nhô cao , có gò thoải mới thuận, mới đẹp. Gò thoải là thế huyền vũ cú đầu. Nếu sau nhà lại là đầm nước hoặc vách núi dựng thì có khác gì huyền vũ mất đầu mà Quán Lộ chê bai ở trên.

Phương Nam là Hỏa mà thế đất lại nhọn khác nào như lửa gặp lửa, theo phong thủy thì ở đất ấy hay gặp điều kiện tụng. Phương Tây của miếng đất đối tượng xem xét là Kim mà có thế tròn (Kim) thì gia chủ sẽ giàu có, thịnh vượng. Phía Đông nhà là hướng Mộc lại có thế đất dài là mộc thì mộc mộc tương sinh, trai gái trong nhà giàu sang, phú quý.

Ngoài ra quan hệ giữa Thiên, Địa, Nhân còn có quy ước: Tý là Nhân huyệt, Cấn là Quỷ môn, Tốn là Địa hộ, Bính là Địa huyệt, Khôn là Nhân môn, Canh là Thiên huyệt, Càn là Thiên môn.

Trong quá trình xem xét phương vị thì tiên thiên bát quái của Phục hi để phối hợp Âm Dương. Hậu thiên bát quái của Văn vương để xếp các Hào Tượng.

Ra đến địa hình cụ thể thì khu đất có thế bằng phẳng là dương thì gò đống nổi cao lại là âm. Đất sơn cước nhiều gò cao, núi lớn là âm thì thung lũng bãi bằng trong khung cảnh đồi núi lại là dương. Chọn thế đất làm nhà hay đặt mộ trước hết phải trọng khâu cân bằng âm dương. Đất sơn cước cường dững nên chọn làm nhà , đặt mộ ở nơi có mạch nhỏ (long gày). Đất bình dương bằng phẳng nên chọn vị trí hơi cao để tọa lạc (khởi đột). Khu đất đẹp bên trái có thanh long (mạch nước) , bên phải có bạch hổ (đường

dài), thế đất đằng trước có ao đầm tỏa rộng (chu tước), đằng sau có gò tròn tựa lưng (huyền vũ) . Long là dương, Hổ là âm. Long-Hổ tương nhượng thì gia đình hòa thuận, trai gái xum vầy.

Núi chủ tĩnh (đứng yên) là âm thì nước chảy (chủ động) là dương. Thế đất đẹp là thế đất có núi chủ tĩnh quay đầu như động. Nước chủ động lững lờ nở rộng như chảy, như không, lưu luyến dùng dằng. Núi và nước hiền hòa bên nhau , cặp kè với nhau, bảo vệ nhau, nuôi dưỡng nhau là thế đất đẹp. Kiểu luận lý như thế là dựa vào cơ sở trong dương có âm, trong âm có dương. Điều hòa âm dương là điều quan trọng. Luận âm dương rồi toán ngũ hành sao cho mọi suy tính không trùng điều xấu.

Chọn các thế đất, cách chọn hướng , suy cho cùng sau khi loại bỏ những điều thần bí và mê tín thì cũng là chọn địa điểm hợp với điều kiện địa hình , địa chất công trình, địa chất thủy văn , vi khí hậu cho môi trường sống được thỏa đáng.

Thuật phong thủy nghiên cứu những vận động tự nhiên của môi trường sống của con người để mưu cầu sự tiện nghi cho cuộc sống gắn liền với thiên nhiên. Bây giờ đất chật , người đông lấy đâu ra đất rộng để tìm thanh long, bạch hổ. Gặp hướng nghịch thì dùng giải pháp che nắng, chắn gió. Nóng bức quá thì bật điều hòa nhiệt độ.

Phong thủy ghi lại dấu của một hiện tượng văn hóa xưa. Đời nay biết mà xem người xưa mưu cầu tiện nghi cuộc sống ra sao. Thực ra thì người xưa chế tác ra thuật phong thủy cũng chỉ là cách tìm hiểu thiên nhiên và sự vận động của thiên nhiên rồi tìm cách hạn chế tác động tiêu cực của thiên nhiên để cuộc chung sống với môi trường sao có lợi cho con người. Nếu loại những điều mê tín và sự lợi dụng phong thủy lờ bịp thiên hạ để kiếm cơm thì phong thủy đâu có chỉ là dị đoan./.

KHÍ VÀ LÝ KHÍ

Lê Kiều

Khí là khái niệm rất trừu tượng thời cổ đại Trung hoa. Khí là vũ trụ quan cơ bản của thuật phong thủy. Nguồn gốc ban đầu của khí là một khái niệm duy tâm: người xưa cho rằng khí là vật phát sinh từ tinh thần để ra và nó là gốc của vạn vật. Sau khi đã đưa ra ý niệm ban đầu của khí thì sự vận động biến hóa của nó lại được xem xét một cách rất biện chứng.

Thuật phong thủy cho rằng khí biến hóa vô cùng. Sự biến hóa của khí hiểu theo thời xưa là dựa vào những nhận xét thiên nhiên đơn sơ và những khái niệm nặng về quan sát mà chưa có những phân tích về mặt bản chất hóa lý của sự vật. Thí dụ thuật phong thủy quan niệm rằng :” khí là mẹ của nước, nước là con của khí. Khí chuyển động, nước chuyển động theo: nước dừng, khí cũng dừng. Mẹ con xoắn xuýt bên nhau. Như thế thì nổi lên mặt đất để thấy được là nước còn dịch chuyển trong lòng đất không có vết tích đó là khí. Nhưng do khí và nước quyện lẫn với nhau nên quan sát nước chảy trên mặt đất mà luận ra khí dưới lòng đất, hoặc ngược lại luận về khí dưới ngầm mà biết được nước trên mặt đất.

Thuật phong thủy cho rằng khí quyết định họa phúc của con người. Có đất là có khí. Con người sinh ra là được khí, người sống là được khí ngưng tụ thành xương cốt, khi chết là trở về với khí, tan biến thành khí, hòa quyện với khí. Táng, chôn là để tiếp nhận sinh khí, phản khí nội cốt tạo ra phúc ấm. Khí vận động trong đất thể hiện thành địa thế. Khí tụ lại do thế dừng. Núi đồi là thân khí, gò đồng là cành nên khí di chuyển từ thân đến cành. Khí gặp gió sẽ tản ra, gặp nước thì tụ lại. Phép nghiên cứu phong thủy là tụ khí không cho tản đi, làm sao phải luận được khí vẫn vận hành mà lại tụ đúng điểm mong muốn.

Sinh khí ban đầu chỉ có một (nguyên khí) sau khi biến hóa vận động mà thành vô cùng vô tận. Trời không có khí thì không có gì cho đất. Đất không có khí thì không có gì để chứa. Sinh khí ẩn trong lòng đất, nhìn không thấy mà phải lấy lý để tìm ra nó. Đó là phép luận để thấy khí, còn gọi là lý khí. Lập luận là lý ngụy trong khí, khí cố định thành ra hình, quan sát hình có

thể luận ra khí. Người xưa cho rằng hài cốt cha mẹ là gốc của con cháu. Hình thể của con cháu là cành nhánh của cây cha mẹ. Gốc và cành tương ứng. Táng hoặc ngụ ở nơi đất lành thì thần linh yên ổn, con cháu thịnh vượng.

Trong báo này số trước, chúng tôi có nêu: sinh khí, tử khí xuất hiện theo tháng của năm ứng với phương vị. Khi nói đến phương vị phải chú ý ta đang đứng tại đâu để quan sát mà xác định, bởi vì gọi là trái thì có phải so với trục thân ta. Gọi là trên thì có dưới so với chỗ ta đang đứng. Gọi là đông thì có tây so với địa điểm xem xét. Đó là những khái niệm tương đối về vị trí.

Theo cách luận sinh khí và tử khí phụ thuộc tháng trong năm, ta thấy có những điều mà người xưa đã quan sát sự thuận nghịch của các điều kiện thời tiết. Điều kiện thời tiết chính là phản ánh sự vận động của trái đất chung quanh mặt trời. Để rõ hơn, chúng ta thấy như tháng Giêng (âm lịch) phong thủy cho rằng sinh khí ở Tý, Quý và tử khí ở Ngọ, Đinh. Ta nhớ câu ca dao nói về gió trái thời tiết gây khó chịu cho con người: “Đầu năm sương muối, cuối năm gió nồm”. Đầu năm có tháng Giêng âm lịch. Tháng này gió Bắc thuận và gió Nồm nghịch. Gió Bắc vào tháng này tuy lạnh nhưng đúng tiết nên con người dễ chịu còn gió Nồm tuy ấm nhưng trái gió, dễ làm cho người nhức ốm. Bắc hay Bắc là phương vị chứa Tý-Quý. Nồm hay Nam là phương vị chứa Ngọ-Đinh. Hay lại lấy tháng Sáu, sinh khí tại Tị-Bính, tử khí tại Tý-Quý. Chúng ta dễ dàng thống nhất với gió tháng Sáu từ Tị-Bính tới là gió thuận cũng như gió tới từ Tý-Quý là gió nghịch. Và cứ theo sự hợp với thời tiết trong năm thì cách suy luận sinh khí-tử khí là thích hợp với các sinh vật theo điều kiện thời tiết của Bắc Bán cầu. Còn việc động thổ theo phương vị có sinh khí vẫn là điều mơ hồ. Nghiên cứu phong thủy không thể chỉ là những điều thực dụng cụ thể vì phần lớn phải “lý khí”. Phải thấu đáo lý thuyết thì mới có thể nhìn rõ được cái cụ thể. Cái cụ thể của phong thủy cũng lại rất mơ hồ bởi nó là kết quả của luận lý mà ra.

Sách phong thủy có ghi lấy tiên thiên bát quái của Phục Hy để phối hợp âm dương, lấy hậu thiên bát quái của Văn vương để sắp xếp hào tượng. Cũng như nhiều nền văn hóa khác của Trung hoa cổ, cái gốc, cái cơ sở vẫn là Kinh Dịch và thuyết Thái cực - Âm dương- Ngũ hành. Phục Hy là một vị vua thần thoại Trung hoa cổ. Phục Hy còn gọi Bào Hy không biết vào đời cách đây mấy nghìn hay mấy vạn năm nhưng người Trung hoa cổ vẫn coi là thủy tổ của kinh Dịch. Từ Phục Hy đến trước Văn vương chủ yếu Kinh Dịch vẫn chỉ biểu diễn bằng những vạch liền và vạch đứt. Vạch liền là vạch lẻ làm phù hiệu cho khí Dương. Vạch đứt là vạch chẵn là phù hiệu cho khí Âm.

Cốt tủy của Kinh Dịch là “Dịch hữu Thái cực, thị sinh Lưỡng nghi, Lưỡng Nghi sinh Tứ tượng, Tứ tượng sinh Bát quái”(Dịch có Thái cực, từ đấy sinh Lưỡng nghi, rồi Lưỡng nghi sinh Tứ tượng, để Tứ tượng sinh Bát quái). “Sinh” đây có nghĩa là “ biến thành”. Biến thành từ cái **đã có** thành ra **cái khác** chứ không phải từ cái **không** có thành cái **có**.

Thái cực của Kinh Dịch được thuật Phong thủy xếp là **Khí**, một thứ “Khí Tiên Thiên” mà trong bản thân nó chứa đựng Lưỡng Nghi là Âm và Dương. Nếu Khí là một khái niệm tiên thiên, là duy tâm, thì bản thân Khí chứa đựng Âm-Dương (Lưỡng Nghi) , theo cách giải thích là trong Dương có Âm và trong Âm có Dương, hai nhân tố mâu thuẫn tiềm ẩn ngay trong một thực thể. Đến đây lại rất duy vật biện chứng.

Khi đã khái niệm ra Âm-Dương thì mọi sự biến hóa sẽ trở nên vô cùng, vô tận. Mà khái niệm như đã nêu, trong Dương có Âm, trong Âm có Dương thì chuỗi biến hóa trở nên sinh động.

Quy luật Mâu thuẫn trong Duy vật Biện chứng ghi nhận bản thân nội tại vật chất chứa đựng nguồn gốc của mâu thuẫn. Quá trình phát triển của sự vật là quá trình phát triển của các mặt mâu thuẫn, lượng đổi, chất đổi đến khi đột biến thành sự vật mới mà nội tại lại chứa đựng nguồn gốc mâu thuẫn mới.

Dịch học nhận rằng:”Các hữu Thái cực” nghĩa là không có sự vật nào mà tự nó không phải là Thái cực. Ngay trong Thái cực Lưỡng nghi thì mỗi Nghi cũng là một Thái cực, tuy Dương trong Âm hay Âm trong Dương thì khi phần nào quá lớn trong hai thứ đó lại được coi như là một Thái cực. Như thế, dù là một phần tử bé nhỏ, rời rạc đến bậc nào đi nữa thì cũng chứa đựng đầy đủ một toàn thể như cái đại toàn thể của vũ trụ (Chaque atome a pour volume, le volume de l’Univers. L’Atome n’est plus le monde microscopique et clos que nous imaginons peut-être. Il est le centre infinitésimal du monde lui-même - P. Teilhard de Chardin , tạm dịch : Mỗi hạt nguyên tử đều gồm cả cái vóc dáng của cái vóc dáng của vũ trụ. Nguyên tử không chỉ còn là một cái tiểu càn khôn riêng lẻ và khép kín như chúng ta tưởng tượng . Nó còn chính là một trung tâm cực tiểu của vũ trụ). Phải chăng đây chính là Nguyên lý Phối hợp (principe de correspondance) trong Triết học Duy vật?

Chúng ta đã biết về Âm Dương Lưỡng Nghi cũng cần lưu ý khi giải quyết một thế đất cho Dương trạch (Nhà ở) hay Âm phần (Mộ mả) là phải lấy sự hài hòa Âm Dương làm gốc.

Ra đến địa hình cụ thể thì khu đất có thế bằng phẳng là dương thì gò đống nổi cao lại là âm. Đất sơn cước nhiều gò cao, núi lớn là âm thì thung lũng bãi bằng trong khung cảnh đồi núi lại là dương. Chọn thế đất làm nhà hay đặt mộ trước hết phải trọng khâu cân bằng âm dương. Đất sơn cước cường dũng nên chọn làm nhà , đặt mộ ở nơi có mạch nhỏ (long gầy). Đất bình dương bằng phẳng nên chọn vị trí hơi cao để tọa lạc (khởi đột). Khu đất đẹp bên trái có thanh long (mạch nước) , bên phải có bạch hổ (đường dài), thế đất đằng trước có ao đầm tỏa rộng (chu tước), đằng sau có gò tròn tựa lưng (huyền vũ) . Long là dương, Hổ là âm. Long-Hổ tương nhượng thì gia đình hòa thuận, trai gái xum vầy.

Núi chủ tĩnh (đứng yên) là âm thì nước chảy (chủ động) là dương. Thế đất đẹp là thế đất có núi chủ tĩnh quay đầu như động. Nước chủ động lững lờ nở rộng như chảy, như không, lưu luyến dùng dằng. Núi và nước hiền hòa bên nhau , cặp kè với nhau, bảo vệ nhau, nuôi dưỡng nhau là thế đất đẹp. Kiểu luận lý như thế là dựa vào cơ sở trong dương có âm, trong âm có dương. Điều hòa âm dương là điều quan trọng. Luận âm dương rồi toán ngũ hành sao cho mọi suy tính không trùng điều xấu./.

LK.

MỘT SỐ THUẬT NGỮ THƯỜNG DÙNG TRONG PHONG THỦY

Lê Kiêu

Như nhiều bài trước, chúng tôi đã trình bày, có một số người cố làm cho phong thủy có màu sắc huyền bí để mong kiếm lợi, có thể là lợi về vật chất, hoặc cũng có khi chỉ là lợi về danh. Để dễ hình dung ra nội dung của phong thủy, cần thống nhất một số khái niệm thông qua những thuật ngữ thường được nhắc đến nhiều trong phong thủy.

Bát sơn, có thể hiểu là tám ngọn núi. Núi nằm ở tám hướng bát quái hoặc có núi nào theo hướng của bát quái thì đặt tên núi tùy theo hướng. Trong bài “La kinh, la bàn , một công cụ của phong thủy” đã đăng trên tạp chí này, chúng tôi đã giới thiệu bát quái ứng với các phương Bắc, Nam, Đông, Tây, Đông Bắc, Đông Nam, Tây Bắc, Tây Nam. Theo cách gọi của Chu Dịch thì đó là các hướng tương ứng Khảm, Ly, Chấn, Đoài, Cấn, Tốn, Càn, Khôn. Như thế , bát sơn sẽ là Khảm sơn, Ly sơn, Chấn sơn, Đoài sơn, Cấn sơn, Tốn sơn, Càn sơn, Khôn sơn. Bát sơn đối diện là các vị trí đối diện nhau trong bát quái là Càn-Tốn , Khảm- Ly, Cấn -Khôn, Chấn -Đoài. Dùng bát quái phối hợp với Sơn để đoán sự lành dữ khi xem phương hướng phong thủy.

Bát phong chỉ tám loại gió thổi. Gió thổi theo hướng so với vị trí đứng làm mốc của con người. Khi người đứng, phong thủy ước lệ có gió phía trước, phía sau, bên phải, bên trái, độ cao ngang vai có hai hướng là ở độ cao ngang vai trái, độ cao ngang vai phải, độ cao ngang hai chân cũng có gió theo hướng chân trái và chân phải. Như thế có tám kiểu hướng gió. Như vậy thì về bên trái có ba loại gió , về bên phải cũng có ba loại gió.

Hạ thủ sa là nơi xuất thủy theo một phương. Nơi có nước chảy ra mà có sa (mô, gò đất nhô cao) là nơi đất phát. Dòng nước chảy mà có núi đón là nơi kết phát. Nước chảy trước huyệt mà rẽ trái hay phải thì bên trái hay phải ấy là hạ thủ. Thế đất có hạ thủ trùng điệp thì đó chính là nơi đất kết to.

THUYẾT KHÍ KHI XEM ĐẤT LÀM NHÀ

Lê Kiêu

Chúng ta đã làm quen với một số khái niệm về phong thủy theo quan điểm của người làm công tác khoa học. Đi vào một số vấn đề cụ thể như là thuyết khí dùng trong việc chọn đất làm nhà của người xưa thì còn nhiều chỗ mơ hồ, tuy nhiên cũng có một số điểm giải thích nghe được.

Thuyết khí trong khi tìm đất làm nhà được gọi theo thuật ngữ Hán Việt là “dương trạch khí”. Chủ yếu trong việc tìm đất làm nhà có sử dụng thuyết **nạp khí** và thuyết **sắc khí** .

Nạp khí đề cập đến khí trong đất (địa khí) và khí theo cửa đến, hoặc đi (môn khí). Khí là khái niệm trừu tượng như là tiên đề của lý khí. Dù địa khí hay môn khí cũng là suy luận mà thấy, thậm chí cảm nhận mà thấy chứ không thể dùng giác quan thông thường mà nhận thức được.

Chủ thuyết của nạp khí là muốn nơi ở để gia chủ làm ăn phú quý được thì cả địa khí lẫn môn khí phải cùng vượng. Một trong hai thứ khí ấy mà suy thì không tránh khỏi lụn bại khi ở tại địa điểm này.

Lấy cơ sở của thuyết Ngũ hành để luận khí thì khí từ phương sinh đến, trong nhà được sinh khí (khí tạo nguồn sống). Khí từ phương khắc đến thì trong nhà nhiễm tử khí (khí gây điều rủi ro).

Khi lấy đường đi mà luận xét thì đường đâm xộc vào nhà, đó là lai mạch. Đường đi ngang trước nhà, đó là giới thủy.

Khí đến nhà từ phương nào trong bát quái thì ghép tên phương ấy thành tên khí. Ta nhớ lại, bát quái là các hướng Bắc, Nam, Đông, Tây, Đông Bắc, Đông Nam, Tây Nam, Tây Bắc. Theo phương vị phong thủy thì đó tương ứng là Khảm, Ly, Chấn, Đoài, Cấn, Tốn, Khôn, Càn. Như vậy có Khảm khí, Ly khí, Chấn khí, Đoài khí, Cấn khí, Tốn khí, Khôn khí, Càn khí.

Nhà ở, nếu được vượng khí của trời, quý khí của đất thì gia chủ tất đạt phú quý.

Điều mơ hồ ở nạp khí là làm sao nhận ra được khí? Vì như phong thủy luận thì khí là gốc của vạn vật, khí biến hóa vô cùng, khí tụ thì tạo hình, khí tán thì thành gió, khí nổi bên trên là nước, khí chìm ở dưới là đất. Vậy chỉ có thể cảm nhận được khí qua khái niệm rất duy tâm: khí là vật chất do tinh thần sinh ra, còn khi nó biến hóa lại theo những suy đoán luận lý từ cơ sở của âm dương, ngũ hành mà biến hóa. Nạp khí ở đây, là vượng hay là hung cũng do thầy phong thủy lấy cảm nhận của mình, lấy tri thức luận lý theo âm

dương, theo ngũ hành của mình để biện giải, thậm chí lấy kiến thức xã hội đương thời mà phán định cho chủ nhà tin mà thôi.

Tỷ như có ngôi nhà trong ngõ, đường vào chật hẹp, mặt tiền án ngữ nhà cao. Khi vào nhà tức anh ách, nhưng thầy phong thủy lại phán, ngôi nhà có vượng khí biết bao. Chẳng qua vì thầy có thông tin trước chủ nhà về quy hoạch mở đường cái lớn mà ngôi nhà sẽ lộ mặt tiền ra phố, nếu không hưng vượng làm ăn thì có nhượng đi cũng được giá thật hời để thầy phán đại.

Chuyện Tàu năm trước đăng trên tuần báo Tuần tin tức về con đường quy hoạch làm thẳng đi qua khu mộ Tổ, con cháu muốn giữ mộ Tổ không phải chuyển nên trình với cơ quan duyệt luận chứng rằng nên cho đường đi vòng vèo quanh mộ để người đi thấy được cảnh đẹp non sông, du khách thấy cái vĩ đại của tổ quốc. Và người ta đã làm đường đi vòng thật. Và nếu đường lượn bên phải ngôi mộ Tổ thì thầy phong thủy lại được thể nói rằng ngôi nhà của Tổ có Bạch hổ, đường dài, to, rộng, con cháu tha hồ mà sênh sang.

Sắc khí là xem vẻ của khí mà luận cát, hung. Phong thủy nói rằng nhà tồi tàn nhưng sắc khí sáng sủa, rạng rỡ thì người ở trong nhà sẽ ăn nên làm ra. Nhà mới mà ảm đạm, mờ nhạt thì làm ăn lụn bại. Vào nhà, dù chủ đi vắng mà vẫn thấy ảm cúng thì chủ nhà sẽ làm ăn thịnh vượng. Vào nhà như thấy ánh hào quang, chủ nhân chắc sẽ đạt cự phú. Vào nhà mà thấy bâng bặc như sương, như khói thì tai họa ập đến chẳng còn xa.

Chuyện lưu truyền khi Quản Lộ (đời Tam quốc bên Tàu) đi về hướng Tây gặp mộ Vô Hưu Kiệm thì than với học trò rằng : Ngôi mộ này cây cối tuy nhiều mà từ lâu đã không có bóng. Trên bia mộ ghi lời hoa mỹ nhưng không có hậu để giữ gìn sinh khí. Huyền vũ thì khuất mất đầu, thanh long không có chân, bạch hổ ngậm xác chết, chu tước đang rên rỉ, mối nguy đã phục bốn bề, họa diệt tộc ắt là sắp đến, không quá hai năm sẽ ứng nghiệm.

Chắc rằng Quản Lộ là người có quan điểm nhân sinh bất đồng với Vô Hưu Kiệm hoặc giả là người đồng hướng với Vô Hưu Kiệm, vốn sẵn lòng nhân từ, đa cảm, thấy Vô Hưu Kiệm thất lạc khi thất thế mà cảm thán chăng? Cũng có thể là khi Quản Lộ đi ngang qua mộ Vô Hưu Kiệm vào lúc thu tàn, đông tới nên cây khô trơ cành không có lá, cành nhiều nhưng lá rụng hết, còn đầu mà kết tán, tạo bóng.

Sắc khí hay là lấy tâm linh cảm nhận thay nhận thức thực tại để luận về nhà, về đất thì thực là mơ hồ. Chủ nhà có sức khỏe, chủ nhà làm ăn thành đạt thường có tâm lý cởi mở với bạn bè. Chung quanh anh ta rục rịch không khí lạc quan, tự tin. Người ngoài thấy cái lóe sáng hay cái ảm đạm là trạng thái tâm lý khi đến thăm nhà, kết hợp dáng vẻ, cái hình cụ thể của ngôi nhà, của phòng ốc với nhận thức chủ quan về không khí quanh chủ nhà, những thứ đó hòa thành cái cảm nhận chủ quan cá nhân. Điều luận đoán dựa vào điều kiện tâm lý chủ nhà ấy có thể đúng đến tám chục phần trăm.

Còn như thêu dệt quá đi cho phong thủy thêm thần bí thì người ta còn bảo: vào nhà thấy ánh hào quang như lửa bập bùng thì hỏa tai sắp đến, trong nhà khí trắng bâng bặc thì sắp có tang, nhà đen âm thầm mà thoáng có khí màu thì tai ương sắp hết, cửa nhà lại vui vẻ bình an... Những điều luận đoán

dựa vào trạng thái tâm lý của chủ nhà cũng là cách đoán dựa, đoán phỏng mà thôi.

Chữ Hán Việt thì trạch là nhà. Nhưng trạch còn có nghĩa là lựa chọn, như “trạch lân sử” (chọn láng giềng mà ở). Phong thủy rất chú ý đến môi trường đặt ngôi nhà, hay đúng hơn, môi trường cho con người sống. Phương vị đặt ngôi nhà rất quan trọng. Chuyện xưa chép rằng Lỗ Ai công muốn làm nhà hướng Tây. Sử quan can ngăn nói rằng hướng Tây là nơi các bậc tôn kính ở. Mình còn là người trần mắt thịt không được để nhà mở ra hướng Tây. Với đất nước Việt nam ta thì lời sử quan hay ho quá. Nó hay vì hướng Tây nắng chiều gay gắt, từ 11 giờ trưa đã khó chịu rồi. Nếu mở được nhà ra hướng Nam hay Đông Nam đón gió mát mùa hè, che gió bắc mùa đông, tránh gió nóng mùa hè tốt biết mấy.

Phương vị ngôi nhà cho đẹp, chúng tôi đã bàn khi nói về La kinh và sự tương nhượng âm dương. Đẹp phương vị chính là lấy môi trường và cảnh quan nơi xây dựng sao hợp với vị trí địa lý, với địa hình của khu vực xây dựng, với vi khí hậu của vị trí làm nhà. Đặt ngôi nhà trong điều kiện môi trường cụ thể, khi thiết kế kiến trúc, quy hoạch phải tạo cho cuộc sống tiện nghi nhất cho người sử dụng, như thế thì đại bộ phận ý tưởng về dương trạch sẽ trùng hợp giữa kiến trúc sư với thầy phong thủy.

Thầy phong thủy cũng như kiến trúc sư đều nhất quán là công trình kiến trúc phải hài hòa với thiên nhiên. Nhà và môi trường chứa đựng ngôi nhà gắn bó với nhau, tôn thêm dáng vẻ và tiện nghi cho nhau là điều tuyệt vời. Thầy phong thủy xưa muốn làm nhà bên sông, kề núi. Chúng ta không có điều kiện tự lựa chọn đất làm nhà cho mình theo kiểu tự chọn như thế , nhưng khi thiết kế những nơi nghỉ ngơi, giải trí, chúng ta cũng chọn vị trí theo cách người xưa. Nhà thơ Đỗ Mục đời Đường nói về núi Cửu Hoa, chùa ẩn trong mây, sông Thanh Qua, cầu vồng cảnh liêu. Bên ta thì: “kia non non nước nước mây mây, đệ nhất động hỏi rằng đây có phải” nhà thơ Dương Khuê nói về Chùa Hương như thế.

Khi xem đất làm nhà, điều cơ bản của phong thủy xưa là xem thế núi thế nước. Mạch và khí là hai thứ cơ bản. Ngoài ra, sự tương quan về đất ở, đường xá, sông suối có quan hệ mật thiết, chúng tôi không đề cập lại vì đã có tác giả viết rồi (xem thêm Chọn hướng nhà và bố trí nội thất theo thuật phong thủy của Nguyễn Hà dịch, NXB Xây dựng, 1996).

Phong thủy nói về nhà làm nhiều cái kề nhau (như kiểu trong phố) lại nghiêm hơn chúng ta đang xây nhà ở phố hiện nay. Thí dụ ở Hải Châu bên Tàu, thầy phong thủy khuyên dân làm nhà nếu cùng một dãy thì mặt tiền ăn cùng một đường thẳng cho thống nhất một “long”. Nhà làm kề nhau phải cao thấp bằng nhau. Nhà làm nhô ra khỏi mặt tiền của cả dãy lâm vào thế “cô nhận xuất đầu”(con chim nhận lông đầu ra phía trước) thì chủ nhà ắt bị đơn bóng, chẳng chết chông thì cũng góa vợ. Nhà lại lùi so với dãy chung hàng phố gọi là thế “ thác nha” (răng khểnh) , vợ chồng luôn lục đục. Nhà làm trong cùng dãy cao thấp không đều thì nhà cao đè khí của nhà thấp. Nhà bên

trái có thể cao hơn nhà bên phải , tuyệt đối nhà bên phải không được cao hơn nhà bên trái. Lý do của điều này là : bên trái là rồng xanh (tả thanh long), bên phải là hổ trắng (hữu bạch hổ). Rồng và hổ cùng ngang trên một độ cao mà đùa rỡn với nhau thì dân yên, phố ấm. Nếu hững khởi mà bay cao thì rồng bay cao là thuận. Hổ nhảy rỡn lên cao trên rồng là điều nghịch, ngược. Dân phố sẽ chẳng sống hòa thuận được với nhau.

Cửa của ngôi nhà được thầy phong thủy hết sức coi trọng. Phong thủy quan niệm rằng cửa là bộ mặt của ngôi nhà, là yết hầu của ngôi nhà. Vị trí, kích thước cửa quyết định sự thịnh suy của chủ nhà. Bên trên cửa tiếp thiên khí, bên dưới cửa tiếp địa khí. Cửa phải sao để đón khí lành mà ngăn khí dữ.

Hai nhà đối diện cửa thì nên làm các cửa bằng nhau và có độ cao bằng nhau. Nếu không sẽ ty nạn nhau mà hàng phố sinh bất hòa. Phong thủy cho rằng mức bậu dưới cửa của nhà nào cao thì sẽ bị nghèo hơn nhà có cửa đặt thấp hơn. Nhà nào có cửa to hơn thì sẽ giàu hơn. Nhà không mở cửa ra đối diện với công sở, cổng thành, cửa nhà tù. Nếu mở như thế sẽ rơi vào đường quan tụng, kiện cáo, tù đầy.

Cửa sổ làm sao để có thể chiêm ngưỡng được cảnh quan thiên nhiên mới là điều tốt. Qua song cửa, dàu ban ngày tĩnh mịch hay ban đêm nhìn nhạt ánh trăng, thì cảnh ngoài song cửa làm cho chủ nhân xao xuyên hồn thơ, yên lòng với cái tạo hóa đã ban cho mình. Cổng mở kích cỡ vừa phải, tương xứng với nhà. Phương vị mở cổng thì theo cát hung của phương vị và phương sinh khí.

Không nên có vật cản tầm mắt khó chịu khi mở các loại cửa. Nếu bị vật cản thì dịch chuyển cửa. Bất quá thì bịt lại. Nhìn vật cản để gây khó chịu trong suốt cả đời ngôi nhà thì sống trong nhà sao thoải mái được./.

LK.

PHONG THỦY, CHUYỆN NGƯỜI XUA CHỌN ĐẤT LÀM NHÀ

PGs. **Lê Kiều**

Trường Đại học Kiến trúc

Phong thủy tồn tại trên hai nghìn năm mà cực thịnh là thời các triều nhà Minh , nhà Thanh bên Tàu, vào khoảng năm 1369 đến đầu thế kỷ này.

Hai khái niệm mà nhiều người hòa trộn thành một, hoặc là vô tình hay hữu ý không phân biệt, đó là phong thủy và thuật phong thủy. Phong thủy là địa thế, địa hình , là đất, là nước quanh ta. Phong thủy là môi trường sống mà con người tồn tại trong đó. Thuật phong thủy là những luận lý, những suy nghĩ của con người và cách thích ứng cuộc sống của con người khi nằm trong cái phong thủy ấy. Như thế, phong thủy là tồn tại khách quan còn thuật phong thủy là sản phẩm của ý thức liên quan đến phong thủy.

Phong thủy còn có nghĩa rộng là những hoạt động nghiên cứu về thiên văn , về sao trời, vũ trụ , về trái đất, về khí tượng, về địa thế làm nhà, đặt mồ mả nên vừa gần với con người lại vừa xa con người. Lý luận cơ bản của phong thủy (kinh dịch, âm dương ngũ hành) thì rất trừu tượng, thuật ngữ sử dụng thì khác lạ với ngôn từ dùng hàng ngày tạo ra cho phong thủy một dạng vẻ bí hiểm. Đọc phong thủy và nghe về phong thủy thấy một không khí sống, chết đan xen , đất trời hòa nhập, rõ không ra rõ, mờ không ra mờ làm cho quần chúng tin thì có thể tin, có thể không tin thì cũng sợ. Thầy phong thủy lại thêu dệt bao chuyện ly kỳ, gán một số quan niệm phong thủy vào các sự kiện lịch sử, tô vẽ cho phong thủy có bộ mặt thần bí.

Lý luận và thực tiễn của phong thủy vô cùng phức tạp. Để xem một thế đất đặt mồ phần lớn thầy địa lý phải ở nhà gia chủ cả năm trời, sáng cơm rượu rồi đi ngắm nghía đất trời rong ruổi ngoài đồng. Chiều về đọc sách (chẳng hiểu sách gì), khểnh duỗi tư duy để rồi nhập nhoạng tối lại cơm rượu. Năm nay người chết, xem đất một năm chờ năm sau cải táng đặt vào nơi đất chọn. Thành kính và đợi chờ đất phát. Chờ mãi không thấy phát lại ngắm suy tại mình tâm chưa thành, lòng chưa kính hay thậm chí hối vì đãi thầy chưa hậu.

Ngay vài năm gần đây trong câu chuyện làm nhà ở ta, chắc không ít người cay thầy phong thủy. Vào những năm 1991-1993 nhà đất vào cơn thịnh vượng thì nhiều người làm nên ăn ra tưởng đâu như vì nhờ thầy mà phát. Nhưng sang 1995-1996 nhà vay tiền làm, những mong tây thuê để thu hồi vốn nhưng biến treo " house for rent" cả thời gian dài dài chẳng ai ngó hỏi.

Nợ vẫn chất chồng, lỗi mẹ đẻ lỗi con, chắc cũng chẳng ai đi trách thầy phong thủy. Thầy phong thủy nào chẳng nói như tép nhảy, lại đem những từ như minh đường, huyền vũ, bạch hổ, thanh long, chủ nhà chỉ còn cách gặt đầu lia lia xuýt xoa khen thầy và tự hào mình đã được đặt ngang mình cùng thầy đạo cao đức trọng.

Nước Trung hoa từ sau 1949 thuật phong thủy bị đả kích nặng nề, không dám công khai lộ diện nhưng nó lại được Hồng công, Đài loan nâng đỡ. Nó cứ dai dẳng tồn tại có lúc rõ hình, có lúc lu mờ, kín đáo. Mấy năm gần đây, trong không khí cải cách chung về kinh tế ở Trung quốc người ta lại nghiên cứu và bàn luận về phong thủy trên sách vở.

Điều khẳng định là nó tồn tại dai dẳng. Vậy cái lý để nó tồn tại là cái gì. Có người xếp phong thủy như một hiện tượng văn hóa, vì nó sống trong phần hồn của con người.

Trong phong thủy và thuật phong thủy có cái lý giải được theo khoa học là địa hình, địa thế làm nhà chịu ảnh hưởng của địa chất công trình, địa chất thủy văn, vi khí hậu. Xem thế đất làm nhà chính là chọn cho ngôi nhà theo các điều kiện thuận lợi về phương vị, khí hậu, địa chất công trình tốt, địa chất thủy văn phù hợp. Đây chính là khâu điều tra cơ bản để chọn địa điểm xây dựng. Từ môi trường vi khí hậu tốt mà chủ nhà có sức khỏe tốt, tâm lý tốt, làm nên ăn ra. Đây là những nhân tố tích cực.

Làm cho phong thủy thần bí, võ đoán như thế đất này thì đau mắt, thế đất kia con gái lại góa chồng là điều chưa hẳn dễ tin.

Đọc phong thủy, tìm hiểu phong thủy để tìm ra yếu tố để nó tồn tại như hiện tượng văn hóa, dùng nhãn quan khoa học để khen cái được, chê cái bịa đặt là điều cần làm. Đối chiếu những điều đã có trong phong thủy và thuật phong thủy, gạn đục khơi trong với phong thủy là điều có thể làm được.

Phong thủy gắn liền với đất đai, với phương vị. Tri thức về phong thủy không thể tách rời với những khái niệm cơ bản về phương vị hiểu theo cách của người Tàu cổ.

Để xác định phương vị khi đi khảo sát đất đai, nghề phong thủy dùng dụng cụ gọi là la bàn. La bàn lớn gọi là La kinh. La bàn nhỏ gọi là tróc long. Trên la bàn, la kinh hay tróc long vẽ nhiều vòng tròn và các vạch xuyên tâm chia phương vị.

Đời Minh có Từ chi Mạc soạn "La kinh đỉnh môn tâm" có 2 quyển chỉ nam tâm. Sách này cho rằng la kinh lúc đó có 24 hướng, bỏ quên 12 chi của tiên thiên, nên thêm 12 chi, chia làm 33 tầng, trình bày bằng chữ và hình vẽ. Ngoài ra, sách còn một phụ lục do Chu Chi Tương vẽ.

Thẩm Thăng đời Minh cũng soạn "La kinh tiêu nạp chính tông" bàn về tiêu nạp khí trong 72 long mạch.

Chính giữa la bàn gắn một kim nam châm có trục quay. Phần dưới kim là các vòng tròn đồng tâm và những tia đi qua trục kim nam châm ghi phương vị. Trong các vòng tròn (thường là ba vòng) thì vòng trong cùng là vòng địa bàn, vòng giữa là vòng nhân bàn và vòng ngoài cùng là vòng thiên bàn. La kinh có thể có tới 13 vòng.

Nếu chỉ có ba vòng thì vòng thiên bàn dùng xem hướng nước tụ, nước chảy. Vòng địa bàn để ấn định long mạch. Vòng nhân bàn để luận sự tốt xấu của các gò đồng (mà phong thủy gọi là các **sa**). Vòng tròn được chia thành 24 ô, mỗi ô ứng với 15° (toàn vòng 360°).

Nếu lấy vòng địa bàn làm gốc thì vòng thiên bàn lệch về phải nửa ô và vòng nhân bàn lệch về trái nửa ô.

Tại tâm thường làm một vòng nhỏ, chia thành hình âm, dương. Nhận thức là Thái cực sinh Lưỡng nghi. Lưỡng nghi sinh Tứ tượng. Tứ tượng là Thái dương, Thái âm, Thiếu dương, Thiếu âm. Đó chính là bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc. Cách xác định phương vị trước thời Tần chép: Khi đi, trước mặt là chu tước, thì sau lưng là huyền vũ, còn bên tả là thanh long thì bên hữu, bạch hổ. Điều này có nghĩa là, trước mặt là nam thì sau lưng là bắc, bên trái là đông thì bên phải là tây.

Chính Bắc ghi chữ Tý, chính Nam ghi chữ Ngọ, chính Đông ghi chữ Mão, chính Tây ghi chữ Dậu. Kể theo chiều kim đồng hồ thì lần lượt 24 ô như sau: Mão, Ất, Thìn, Tốn, Ty, Bính, Ngọ, Đinh, Mùi, Khôn, Thân, Canh, Dậu, Tân, Tuất, Càn, Hợi, Nhâm, Tý, Quý, Sửu, Cấn, Dần, Giáp.

Chuyện lưu truyền, khi Quán Lộ (đời Tam quốc) đi về phía Tây gặp mộ Vô Hưu Kiệm thì than thở, không vui mà nhận xét: Cây cối tuy nhiều mà từ lâu không có bóng, bia mộ lờ lờ ghi hoa mỹ nhưng không có hậu để giữ gìn, huyền vũ khuất mất đầu, thanh long không có chân, bạch hổ đang ngậm xác chết, chu tước đang rên rỉ, mối nguy đã phục khắp bốn bề, họa diệt tộc ắt là sắp đến, không quá hai năm sẽ ứng nghiệm.

Quách Phác trong " Táng kinh" dặn rằng: Thanh long bên trái, bạch hổ bên phải, chu tước đằng trước, huyền vũ đằng sau, muốn được mờ yên mà đẹp thì huyền vũ phải cúi đầu, chu tước đang cánh, thanh long uốn khúc, bạch hổ quy thuận. Khi nhìn thế đất đồng thời phải nhìn màu đất. Nếu ta thăm đàn tế xã tắc ở công viên Trung Sơn Bắc Kinh thì thấy phương Đông thanh long, đất màu xanh cây cỏ, phương Tây Bạch hổ màu đất trắng bạc, phương Nam chu tước đất đỏ màu hồng, phương Bắc huyền vũ đất có màu đen. Giữa đàn cúng, đất màu vàng tượng trưng cho Người.

Tứ tượng sinh Bát quái, ngoài tứ tượng đã có lập lại trong bát quái còn thêm bốn hướng của Bát quái là : Càn , Khôn, Cấn, Tốn. Đó chính là các hướng Tây bắc, Tây nam, Đông nam, Đông bắc.

Như thế, phương Đông có Giáp, Mão, Ất. Đông Nam có Thìn, Tốn, Tỵ. Nam có Bính, Ngọ, Đinh. Tây Nam có Mùi, Khôn, Thân. Tây có Canh, Dậu, Tân. Tây Bắc có Tuất, Càn, Hợi. Bắc có Nhâm, Tý, Quý. Đông Bắc có Sửu, Cấn, Dần.

Các hướng thuộc Địa chí là : Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi (12 hướng địa chí). Tám hướng thuộc thập can là : Giáp, Ất, Bính, Đinh, Canh, Tân , Nhâm, Quý (bỏ Mậu, Kỷ trong thập can).

Các hướng xếp đối xứng gọi là bát sơn đối diện gồm: Càn-Tốn, Khảm-Ly, Cấn-Khôn, Chấn-Đoài. Bắc thuộc Khảm, Đông thuộc Chấn, Nam thuộc Ly, Tây thuộc Đoài.

Phân vị theo Ngũ hành thì chính giữa là hành Thổ, Bắc thuộc hành Thủy, Đông thuộc hành Mộc, Nam hành Hỏa, Tây hành Kim. Còn cách gọi khác : Thủy là Nhuận hạ, Hỏa là Viên thượng, Mộc là Khúc trực, Kim là Tòng cách, Thổ là Gia tường.

Trên đây ta chỉ xét đến Chính ngũ hành dùng phổ biến trong phong thủy. Ngoài ra còn Bát quái ngũ hành và Hồng phạm ngũ hành cũng là loại ngũ hành thường dùng. Còn Tứ kinh ngũ hành, Tam hợp ngũ hành, Tứ sinh ngũ hành, Song sơn ngũ hành, Huyền không ngũ hành, Hướng thượng ngũ hành, Nạp âm ngũ hành ...không thể kể hết được.

Cụ thể của phong thủy thì thế đất tròn là Kim, thế dài là Mộc, thế nhọn là Hỏa, thế vuông là Thổ. thế như sóng gợn là Thủy.

Khi chọn đất phải dựa vào ngũ hành tương sinh mà luận đoán. Tránh ngũ hành tương khắc là điều thầy phong thủy tâm niệm hàng ngày.

Theo Hồng Vũ cấm thư luận về ngũ hành tương ngộ thì thủy giao thủy, nam nữ tất dâm. Phương Bắc thuộc Thủy. Nếu có nước thấm nhập từ phương Bắc vào khu đất ta ở hay mộ phần thì con cái không ổn thỏa. Nếu dựng nhà quay mặt hướng Nam thì sau nhà là huyền vũ. Huyền vũ phải là thế đất nhô cao , có gò thoải mới thuận, mới đẹp. Gò thoải là thế huyền vũ cú đầu. Nếu sau nhà lại là đầm nước hoặc vách núi dựng thì có khác gì huyền vũ mất đầu mà Quán Lộ chệch ở trên.

Phương Nam là Hỏa mà thế đất lại nhọn khác nào như lửa gặp lửa, theo phong thủy thì ở đất ấy hay gặp điều kiện tụng. Phương Tây của miếng đất đối tượng xem xét là Kim mà có thế tròn (Kim) thì gia chủ sẽ giàu có, thịnh vượng. Phía Đông nhà là hướng Mộc lại có thế đất dài là mộc thì mộc mộc tương sinh, trai gái trong nhà giàu sang, phú quý.

Ngoài ra quan hệ giữa Thiên, Địa, Nhân còn có quy ước: Tý là Nhân huyết, Cấn là Quỷ môn, Tốn là Địa hộ, Bính là Địa huyết, Khôn là Nhân môn, Canh là Thiên huyết, Càn là Thiên môn.

Trong quá trình xem xét phương vị thì tiên thiên bát quái của Phục hi để phối hợp Âm Dương. Hậu thiên bát quái của Văn vương để xếp các Hào Tượng.

Ra đến địa hình cụ thể thì khu đất có thể bằng phẳng là dương thì gò đống nổi cao lại là âm. Đất sơn cước nhiều gò cao, núi lớn là âm thì thung lũng bãi bằng trong khung cảnh đồi núi lại là dương. Chọn thế đất làm nhà hay đặt mộ trước hết phải trọng khâu cân bằng âm dương. Đất sơn cước cường dững nên chọn làm nhà , đặt mộ ở nơi có mạch nhỏ (long gày). Đất bình dương bằng phẳng nên chọn vị trí hơi cao để tọa lạc (khởi đột). Khu đất đẹp bên trái có thanh long (mạch nước) , bên phải có bạch hổ (đường dài), thế đất đằng trước có ao đầm tỏa rộng (chu tước), đằng sau có gò tròn tựa lưng (huyền vũ) . Long là dương, Hổ là âm. Long-Hổ tương nhượng thì gia đình hòa thuận, trai gái xum vầy.

Núi chủ tĩnh (đứng yên) là âm thì nước chảy (chủ động) là dương. Thế đất đẹp là thế đất có núi chủ tĩnh quay đầu như động. Nước chủ động lững lờ nở rộng như chảy, như không, lưu luyến dùng dằng. Núi và nước hiền hòa bên nhau , cặp kè với nhau, bảo vệ nhau, nuôi dưỡng nhau là thế đất đẹp. Kiểu luận lý như thế là dựa vào cơ sở trong dương có âm, trong âm có dương. Điều hòa âm dương là điều quan trọng. Luận âm dương rồi toán ngũ hành sao cho mọi suy tính không trùng điều xấu.

Chọn các thế đất, cách chọn hướng , suy cho cùng sau khi loại bỏ những điều thần bí và mê tín thì cũng là chọn địa điểm hợp với điều kiện địa hình , địa chất công trình, địa chất thủy văn , vi khí hậu cho môi trường sống được thỏa đáng.

Thuật phong thủy nghiên cứu những vận động tự nhiên của môi trường sống của con người để mưu cầu sự tiện nghi cho cuộc sống gắn liền với thiên nhiên. Bây giờ đất chật , người đông lấy đâu ra đất rộng để tìm thanh long, bạch hổ. Gặp hướng nghịch thì dùng giải pháp che nắng, chắn gió. Nóng bức quá thì bật điều hòa nhiệt độ.

Phong thủy ghi lại dấu của một hiện tượng văn hóa xưa. Đời nay biết mà xem người xưa mưu cầu tiện nghi cuộc sống ra sao. Thực ra thì người xưa chế tác ra thuật phong thủy cũng chỉ là cách tìm hiểu thiên nhiên và sự vận động của thiên nhiên rồi tìm cách hạn chế tác động tiêu cực của thiên nhiên để cuộc chung sống với môi trường sao có lợi cho con người. Nếu loại những điều mê tín và sự lợi dụng phong thủy lờ bịp thiên hạ để kiếm cơm thì phong thủy đâu có chỉ là dị đoan./.

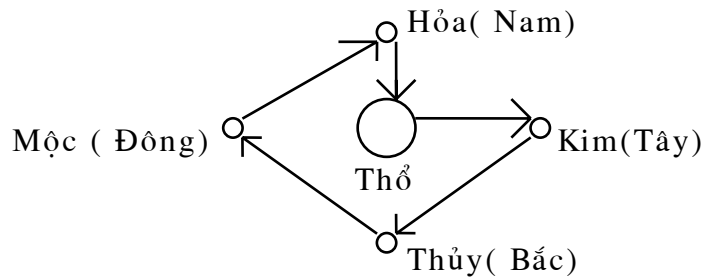
LK.

NGŨ HÀNH VÀ PHONG THỦY

Lê Kiêu

Ngũ hành là: Thủy , Hỏa , Mộc , Kim , Thổ.

Phương vị theo Ngũ hành thì chính giữa là hành Thổ, Bắc thuộc hành Thủy, Đông thuộc hành Mộc, Nam hành Hỏa, Tây hành Kim. Còn cách gọi khác : Thủy là Nhuận hạ, Hỏa là Viên thượng, Mộc là Khúc trực, Kim là Tông cách, Thổ là Gia tường. Đó là Chính-Ngũ-hành.



Như hình này thì Thổ không ở các phương mà nằm ngay chính giữa. Thuật phong thủy chú ý đến tọa sơn, hướng thượng, thực tế ngũ hành chỉ sử dụng tứ hành cho nên còn có tên của ngũ hành là tứ kinh ngũ hành.

Dần, Ngọ, Tuất hợp thành nhóm Hỏa. Tị Dậu Sửu hợp thành nhóm Kim. Thân Tí Thìn hợp thành nhóm Thủy. Tân Mão Mùi hợp thành nhóm Mộc. Mỗi nhóm có ba phương : sinh, vượng, mộ hợp thành nên gọi là tam hợp ngũ hành.

Bát quái ngũ hành phân biệt khác với chính ngũ hành và các loại ngũ hành khác.

Bát quái ngũ hành chủ trương lấy hình thể ghép thành cụm mà luận ngũ hành. Bát quái là Càn, Khôn, Chấn, Cấn, Ly, Khảm, Đoài, Tốn.

Theo đồ tiên thiên bát quái thì Càn ở Nam, Khôn ở Bắc; Ly ở Đông, Khảm ở Tây; Đoài ở Đông Nam, Chấn ở Đông Bắc; Tốn ở Tây Nam và Cấn ở Tây Bắc. Đến hậu thiên bát quái thì địa vị của tám quẻ hoàn toàn thay đổi. Sự thay đổi này do luận lý Âm Dương giao hợp mà thành nên.

Càn là Dương thuần, hút khí âm của Khôn biến thành Tốn. Càn biến hóa lần hai thành Ly; biến hóa lần ba thành Đoài. Khôn là Âm thuần đoạt dương khí của Càn biến lần đầu thành Chấn, lần hai thành Khảm, lần ba thành Cấn. Luận vào ngũ hành thì Chấn thuộc Mộc, Canh ghép với Chấn, Hợi Mùi phối hợp với Chấn do đó Canh, Hợi , Mùi đều thuộc Mộc. Tốn thuộc Mộc, Tân ghép với Tốn do đó Tân cũng thuộc Mộc. Càn thuộc Kim, Giáp

ghép với Càn nên Giáp cũng thuộc Kim. Đoài thuộc Kim. Đinh ghép với Đoài, Tỵ Sửu phối hợp với Đoài nên Đinh, Tỵ, Sửu đều thuộc Kim. Khảm thuộc Thủy, Khảm phối hợp với Quý. Quý thuộc Thủy. Thân, Thìn phối hợp với Khảm nên cũng thuộc Thủy.

Li thuộc Hỏa. Càn phối hợp với Nhâm thuộc Hỏa. Dần, Tuất hợp với Li nên cũng thuộc Hỏa. Khôn thuộc Thổ. Ất ghép với Khôn nên Ất cũng thuộc Thổ. Bính ghép với Cấn nên Bính cũng thuộc Thổ.

Tượng trưng của bát quái thì Càn là Trời, Khôn là Đất, Cấn là Núi, Khảm là Nước, Đoài là Đầm nước, Ly là lửa, Chấn là Sấm và Tốn là Gió.

Bát quái chủ yếu dùng minh định phương vị. Chu Dịch chỉ rõ: Vạn vật ra đời từ Chấn, Chấn là phương Đông, bình tại Tốn. Tốn là Đông Nam. Ly là sáng sủa, vạn vật gặp nhau nên Ly là phương Nam. Thánh nhân quay mặt về phương Nam để xét việc thiên hạ. Khôn là Đất nuôi vạn vật. Đoài là giữa mùa Thu, là sở thuyết của vạn vật. Càn chỉ phương Tây Bắc, nơi Âm Dương sát kề nhau. Khảm là nước, là phương chính Bắc, là nơi quy tụ của vạn vật. Cấn chỉ Đông Bắc, là nơi kết thúc cũng là nơi mở đầu của mọi việc.

Hồng phạm ngũ hành phân biệt khác trên như sau:

Giáp Dần Thìn Tốn Mậu Khảm Tân Thân thuộc Thủy

Chấn Cấn Tỵ thuộc Mộc

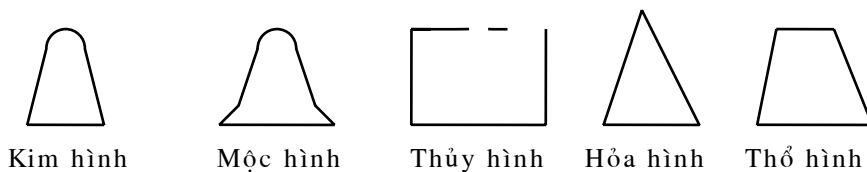
Li Nhâm Bính Ất thuộc Hỏa

Đoài Đinh Càn Hoại thuộc Kim

Sử Quý Khôn Canh Mùi thuộc Thổ.

Trên đây là vài loại ngũ hành thông dụng. Ngoài ra còn rất nhiều loại ngũ hành khác như Tứ sinh ngũ hành, Song sơn ngũ hành, Huyền không ngũ hành, Hướng thượng ngũ hành, Nạp âm ngũ hành, Tinh độ ngũ hành, Hồn thiên ngũ hành, Thiên can ngũ hành, Địa chí ngũ hành ... nhiều vô kể.

Cụ thể của phong thủy thì thế đất tròn là Kim, thế dài là Mộc, thế nhọn là Hỏa, thế vuông là Thổ, thế như sóng gợn là Thủy.



Khi chọn đất phải dựa vào ngũ hành tương sinh mà luận đoán. Tránh ngũ hành tương khắc là điều thầy phong thủy tâm niệm hàng ngày.

Tuy thế sự vận dụng ngũ hành trong phong thủy rất lung tung. Thầy phong thủy cho rằng ngũ hành là cương lĩnh của Âm-Dương, là quyền của Tạo Hóa cho nên mọi việc trong nghề phong thủy đều phải dựa vào ngũ hành.

Mọi phương án lập thành đều do luận lý dựa vào ngũ hành mà phán đoán. Hiện nay ta có thể coi rằng nhiều luận đoán là võ đoán. Tuy thế, có một số luận đoán là khả tín.

Luận đoán kiểu ngũ hành tương ngộ, đại loại xem sự sinh-khắc ra sao, xem khi phối hợp sẽ dẫn đến kết quả thế nào. Xin dẫn ra đây để minh chứng những điều luận đoán của thầy phong thủy, để chúng ta thấy một cách luận lý, không phải đây là cách luận lý chung nhất và điều đúng sai còn phải bàn.

Khi thủy gặp thủy thường dẫn đến điều không tốt, gia đình dâm loạn. Phương Bắc là thủy mà có nước ngấm vào nhà, vào mồ thì không tốt. Phương Nam là Hỏa mà có thể đất hình tam giác nhọn, như thế Hỏa gặp Hỏa thầy phong thủy đoán rằng ở nơi đất ấy thường sinh kiện tụng. Phương Tây thuộc Kim mà có thể đất dáng tròn (Kim hình) thì nhà như thế của cải ùn ùn kéo đến. Phương Đông thuộc Mộc mà thể đất lại có hình dài (Mộc hình), gia chủ sẽ có con cái đề huề, giàu sang phú quý.

Đối với mảnh đất làm nhà hay nơi huyệt táng, nếu lấy vị trí ngôi nhà hay ngôi mộ làm mốc phương vị thì phong thủy gọi bên trái là thanh long, bên phải là bạch hổ, đằng trước là chu tước, miếng đất sát ngay trước nhà là minh đường, đằng sau là huyền vũ.

Tốt nhất thì bên trái có dòng nước nhỏ chảy lững lờ cho đúng nghĩa thanh long (con rồng xanh). Bên trái có nước chảy theo dòng, cha và con trai vinh hiển mát mặt với đời. Bên phải có bạch hổ (hổ trắng) lại có đường dài men theo rìa đất thì con gái trong nhà đảm đang, sung sướng. Bạch hổ mà lại có đình chùa, miếu mạo hoặc là vũng úng ngập là điều kiêng kỵ. Đất ở như thế dễ sinh tử biệt trong nhà. Trước nhà có ao hồ ôm đảo nhỏ hình tròn thì con cái trong nhà vẻ vang, phú quý. Chu tước có sông dài bao bọc làm thành án thư như hình cái bàn kê trước nhà, trước mộ thì con cháu trong nhà giàu sang vinh hiển. Thế đất này gọi là Thiên các (có lầu gác nhà trời). Sau nhà thể đất đùn tròn như mây đùn, xúm xít xum vầy gọi là huyền vũ có thể bích đài (đài biếc), lộc hưởng lâu dài, truyền gia mãi mãi. Điều kỵ cũ là có hố sâu ở huyền vũ. Sau nhà, sau mộ, nhất thiết không được để hố sâu. Truyền thuyết kể rằng sau mộ tổ Khuất Nguyên bên Tàu có hố sâu nên ông này chết uống.

Núi non, sông nước thiên nhiên, gò đồng, long mạch sắp xếp trên mặt đất đã tạo nên họa phúc cho người lưu tới. Thầy phong thủy cho rằng mình có nhiệm vụ tìm ra được chỗ ở, chỗ táng cho người ở, con cháu người táng được điều lành, được phúc ấm. Muốn có thể đất như ý phải học qua lý khí mà thấu tìm. Điều hết sức quan trọng trong phong thủy bản thân người thầy phải tu nhân tích đức. Tiên tích đức, hậu tầm long : cái gốc của tìm đất là thầy phải ăn ở, nghĩ suy cho có nhân bản, có đạo lý làm người. Đã gọi là tích đức thì không phải ngày một, ngày hai mà có ngay được. Chỉ hăm hở tìm đất thì sẽ bị trời che mắt mắt, lòng dạ tối tăm, đất đẹp trước mắt mà như mù, không thấy được. Đức sáng thì khi có thể đất hay, chẳng cần luận lý cầu kỳ mà tâm đức với thiên nhiên đã đồng cảm, lòng thầy ngắt ngay tận hưởng. Mà khi đã tích đức, tu nhân tạm cho là đủ thì lại chẳng cần đất đẹp xấu làm gì. Những người đã đạt đạo lý ấy, tự thân nhận thức cái có với cái không hầu như hòa quyện. Đến đây, câu chuyện phong thủy dẫn thành triết lý cuộc sống, không

còn đơn thuần là phép địa lý thực hành nữa. Tiếp tục bàn không phải là đối tượng của bài viết này./.

VỀ PHONG THUY VÀ MÔ MẢ CÁC VUA, CÁC HẬU NHÀ MINH, NHÀ THANH

Lê Kiều

Trong lịch sử Trung quốc thì thuyết phong thủy cực thịnh vào thời nhà Minh, nhà Thanh. Có hai khái niệm mà nhiều người thường hoà trộn làm một đó là phong thủy và thuật phong thủy. Duy danh định nghĩa thì phong thủy là gió và nước. Gió và nước tạo nên những nhận thức sơ khởi về vũ trụ quanh ta. Cụ thể thì phong thủy được hiểu là đất đai, địa thế, địa hình, địa mạo, thủy văn, phương hướng, trạng thái vi khí hậu quanh ta. Có thể nói khái quát phong thủy là môi trường vật chất chứa con người sinh tồn trong đó. Thuật phong thủy là những suy nghĩ, luận lý của con người và cách thích ứng của con người khi nằm trong môi trường phong thủy ấy.

Những nhà nghiên cứu Trung quốc học cho rằng thời Tiên Tần bắt đầu thai nghén, đến Tần Hán bắt đầu phát sinh thuật phong thủy nhưng phải qua đời Ngụy Tấn thuật phong thủy mới được truyền bá.

Bắt đầu đời Tống, thuật phong thủy bắt đầu thịnh hành. Nhưng phải đến Minh, Thanh thuật phong thủy mới được công nhận chính thức và được phổ biến công khai, hợp pháp.

Trước đây phong thủy bao hàm âm dương học, địa lý học và thuật số. Âm dương học nghiên cứu về thiên văn, tinh tượng. Âm dương học cũng nghiên cứu về địa lý là nơi con người sinh, trưởng và nhìn thấy trời. Phương pháp luận cơ bản của âm dương học là âm dương ngũ hành. Âm dương học được công nhận chính thức từ triều Nguyên (Chí Nguyên, năm thứ 28) mà đối tượng được công nhận là công việc nghiên cứu, quan sát sự vận hành của vũ trụ, xem trời, xem sao đoán việc lành dữ của hiện tượng thiên văn, dự báo thời tiết, xem đất làm nhà, xem đất đặt mộ, mả, định lịch phục vụ tế lễ, giúp định thời vụ sản xuất nông nghiệp. Đến đời Minh Hồng Vũ, năm Bính dần, ngày 5 tháng 5 âm lịch, vua Hồng Vũ nhà Minh quyết định đặt chức quan coi về âm dương học, chuyên lo quản lý và đào tạo các đối tượng của âm dương học như vừa nói trên.

Thời Minh trở đi, từ việc chọn đất làm đô thị, kinh đô đến làm nhà, đặt mồ mả đều được xem xét cẩn thận. Nhiều người nhờ có hiểu biết, ham lý giải phong thủy mà vinh hiển. Ngược lại có nhiều người vì chọn sai ngày, chọn thế đất vua không ưa mà không những bản thân thiệt mạng làm liên lụy đến chín họ bị chặt đầu.

Mồ mả là thành tố quan trọng bậc nhất đối với cuộc sống tinh thần lúc trị vì cũng như khi xảy ra cái chết của vua chúa từ khi có thuật phong thủy. Ngay sau khi lập xong nhà Minh, Chu nguyên Chương liền hội quân thân tại Nam Kinh bàn việc xây lăng mộ. Tại Nam Kinh lúc đó có Chung Sơn là đất có thế đẹp để đặt mồ mả nhưng lại dày đặc lăng mộ đã chôn. Chu nguyên Chương cứ quyết định đặt lăng tẩm tại Chung Sơn. Tuy có dịch khu mộ chính của dòng họ mình xuống phía Nam nhưng họ Chu đã cho di chuyển đi hết các lăng mộ trên núi Chung Sơn này đi. Đồn rằng họ Chu chỉ giữ lại mộ Ngô vương Tôn quyền (một trong ba chân vạc Tam quốc) và Ngô vương chỉ được coi như kẻ gác mộ cho dòng họ Chu nhà Minh.

Sau đó có Liêu Quân Khanh là thầy phong thủy khá tinh thông giới thiệu cho Minh Thành Tổ (1403-1426) một quả núi cấu tạo từ đất sét hoàng thổ ở huyện Xương Bình, Bắc Kinh để xây hoàng lăng. Chu Đệ (Minh Thành Tổ) rất ưng và đổi tên núi đất đó thành Thiên Thọ Sơn. Đến cuối triều Minh, tại đây đã táng 13 vị hoàng đế Nhà Minh nên gọi là Thập Tam Lăng.

Lăng mộ ở Thập Tam Lăng xếp đúng theo trình tự thế hệ, căn cứ vào ngũ hành tương sinh Mộc, Hỏa, Thổ, Kim, Thủy mà đặt tên theo thứ tự như Chúc , Đệ, Cơ, Trấn, Ngọc, Thâm, Đường, Chiêu , Thông, Hậu, Quân, Hiệu, Kiểm (tên các Hoàng đế được táng trong Thập Tam Lăng).

Trong khi phong kiến nhà Minh lo xây lăng mộ cho Hoàng tộc nhà mình nhưng lại sợ nhà Hậu Kim sẽ hưng vượng và thay thế dòng họ mình nên cho tay chân lên núi Phòng Sơn đào đứt long mạch, diệt long khí của mộ tổ người Kim. Thế mà Hậu Kim vẫn phát triển lớn mạnh, thành nhà Đại Thanh sau này thống trị Trung quốc trên 200 năm.

Đời nhà Thanh, vua Thanh Thế Tổ (1643-1661), niên hiệu Thuận trị, lúc cuối đời cho xây dựng mồ mả cho các vua dòng họ mình tại chân núi Xương Thủy, huyện Tuân Hoá, tỉnh Hà Bắc. Đây là thế đất rất đẹp, sơn mạch uốn khúc như phượng múa, rồng bay. Bên trái có núi châu về phù đờ, bên phải cũng có núi hướng tựa, uốn châu. Trái, phải lại có sông chảy kèm hai bên rồi tụ hội nơi Long Hồ Cốc. Nơi này lúc đầu chỉ là Hiếu Lăng, sau mở rộng thành Thanh Đông Lăng. Tại đây đã táng các vua nhà Thanh là Thuận trị, Khang Hy, Càn long, Hàm Phong, của

các hậu và phi là Từ Hi, Cảnh phi, Cảnh song phi, Dụ phi, Định phi, Huệ phi và một lăng công chúa.

Khu Thanh Đông Lăng cách Bắc kinh 125 km. Chiều rộng của khu vực lăng theo hướng Đông Tây là 26 km, theo hướng Bắc Nam là 125 km diện tích khu đất lăng xấp xỉ 3000 km² bao gồm các huyện Tuân Hoá, Kế, Mật, Vân ... Dân chúng tuyệt đối không được xâm phạm đất đai của lăng. Thậm chí vào kiểm củi cũng bị trị tội rất nặng. Người địa chủ đã thấy giáp khu vực lăng có mỏ bạc nhưng khi tấu xin khai thác, vua Thanh Hàm Phong, năm 1853, đã ban phê lời từ chối, không cho khai thác:

" Tuy Tang Viên Sơn có mỏ bạc, lại không cùng long mạch với Vụ Linh Sơn của Đông lăng, nhưng dù sao cũng gần với khu vực phong thủy của lăng phải bảo tồn, không được khai mỏ".

Khu vực Thanh Đông Lăng được sắp xếp rất đẹp, xét theo cách nhìn của Kiến trúc sư. Đây là cái đẹp cân xứng, nghiêm chỉnh, có trục, có hàng đứng đắn. Mỗi lăng của Hoàng đế đều xây dựng theo tư duy nghiêm chỉnh, lấy trục chính giữa theo hướng Bắc Nam song song với đường kinh tuyến làm trục đối xứng. Các kiến trúc vật đều quay mặt nhìn hướng Nam. Đầu Bắc của các công trình bám theo trục trung tâm là Long Ân điện nằm trong thành hình vuông. Hai bên đường trục này là từng cặp hạng mục công trình kiến trúc đối xứng qua trục. Vào xem lăng mà như vào thăm cung đình trang nghiêm, tưởng như vua còn sống.

Một đặc điểm rõ nét của các lăng triều nhà Thanh là sự kết hợp hài hoà giữa các hạng mục công trình với thiên nhiên. Mỗi lăng đều có mạch núi chạy ngang phía trước xa xa làm lá chắn. Phía sau lăng lại có núi cao hơn làm ra thế huyền vũ tựa đầu. Kênh mương khơi nhân tạo để thoát nước, làm thành dòng chảy luôn có nước róc rách. Hai bờ mương kê đá. Vượt qua mương uốn lượn làm những cầu nhỏ tùy theo địa hình mà tạo dáng cho ăn nhập. Có sẵn núi nhỏ càng tốt, nếu theo phong cảnh và địa thế cần thiết thì đắp thêm núi nhỏ. Trên núi nhỏ làm các nhà đình vũ theo kiểu nhà thoáng, cột đỡ mái cong, mỗi cái một kiểu, khéo léo tài hoa.

Sắp xếp kiến trúc lăng tẩm nhà Thanh thể hiện những trung tâm khá đậm nét. Trong Thanh Đông lăng thì Hiếu lăng, lăng vua Thuận trị được lấy là trung tâm. Bên phía Tây là Cảnh lăng, lăng của vua Khang hy, và phía Đông là Dụ lăng, lăng của vua Càn long.

Tuy lăng tẩm đã đặt vào quy hoạch nhưng đến đời vua nào lại chọn cho mình vị trí theo ý thích. Như vua Càn long chẳng hạn, Khi đứng tuổi, vua Càn long bắt đầu nghĩ đến chỗ nằm lúc về già. Vua Càn long đã chọn cho mình khu đất có tên "Thắng Thủy Cốc" để xây Dụ lăng

cho mình. Theo thầy phong thủy thì Thăng Thủy Cốc có thể long bàn hổ cứ, tinh cung vân liên mà như luận đoán thì tốt lành đến vạn năm.

Từ Hi thái hậu rất tin phong thủy. Khi chọn chỗ cho mình lúc về già, nhiều lần thái hậu đã đến kiểm tra việc xây táng địa cho mình. Thái hậu đã từng cỡi chuỗi hạt đính 18 viên ngọc trên châu ném xuống huyết để trấn tà ma sẽ những nhiều. Khi bà chết, trong mộ chôn táng rất nhiều vàng, bạc, châu báu. Chuyện kể rằng khi chết mồm bà ngậm viên ngọc dạ minh châu mà nếu chưa đưa vào trong quan tài thì cách trăm bước, nhờ ánh sáng của viên ngọc mà có thể nhìn thấy những sợi tóc trên đầu.

Vào những năm cuối nhà Thanh, đầu Dân quốc, Tôn Diện Anh, nhà quân phiệt Trung hoa đã đào mả Từ Hi để lấy của. Sau đó quân thổ phỉ cũng đã đào hết các lăng các vua Khang Hy, Hàm Phong, Đồng Trị để lấy của cải.

Ngày nay những lăng tẩm đã được tu bổ lại. Thanh Đông Lăng thành nơi thắng cảnh, thu hút khá nhiều khách du lịch. Lên đỉnh giữa của Xương Thủy Sơn nhìn chung quanh, núi non lượn uốn, nhìn xuống thấp công trình kiến trúc nhấp nhô từng hàng, từng dãy. Thiên nhiên mệnh mang, sức lao động của con người vô tận. Phong cảnh thật hào hùng. Khách tham quan khen đẹp nhưng cũng khó tránh khỏi ngậm ngùi cảm khái trước lễ huyền diệu và vô tình của thời gian./.

PHONG THUYẾT VÀ NHÀ CỬA

PGs Lê Kiều

Đại học Kiến trúc Hà nội

Thời xưa, những gia đình có học, có tiền, hoặc là quan chức, khi làm nhà cần xem phong thủy rất cẩn thận. Vị trí đặt ngôi nhà thường chọn nơi có dòng nước uốn quanh, đằng sau xa xa có đồi hoặc là núi thấp án giữ. Ngôi nhà gắn với thiên nhiên, có màu xanh cây lá, có dòng nước mát dịu, nhà tôn cảnh, cảnh làm nổi bật nhà. Địa thế làm nhà như vậy là để nhận khí thiêng sông núi, tinh hoa của mặt trời, mặt trăng. Không gian khoáng đạt thuận lợi cho việc di dưỡng tinh thần, rèn luyện ý chí. Những chuyện như thế, ngày nay tìm đâu ra với cảnh đất chật, người đông.

Vị trí làm nhà ngày xưa chọn nơi: "Núi Cửu Hoa, chùa ẩn trong mây, sông Thanh Qua cầu vờn nhành liễu". Thôn xóm nằm gọn trong vòng ôm của hàng liễu, có dòng nước uốn lượn, phía Bắc xa xa có núi xanh như bình phong chắn ngõ. Động và tĩnh hài hòa làm cho con người sinh sống trong môi trường thật là dễ chịu.

Phong thủy có cả một kho lý thuyết dài dòng để chỉ dẫn cách tìm đất làm nhà. Nhà làm trên vùng núi thì xem thế núi, luận long mạch để xác định đúng vị thế nhà. Vùng gó đồi ở nơi rộng thoáng thì bốn phía phải như qui châu. Không được quá trống trải, không có vực hoặc như thế đất trụt, trượt. Vùng đồng bằng phải có long mạch, có đường quanh bên phải, có ngòi nước bên trái, trước nhà có sân và vườn rộng, xa nữa là hồ, là ao. Sau nhà đất tạo thế như mây đùn, khói tỏa.

Một cách khái quát thì luận về nhà cửa cũng cần dựa vào lý thuyết cơ bản của phong thủy là **khí** và **lý khí**.

Khí là khái niệm có thể gọi là phổ biến và bao trùm của phong thủy. Trong đời sống hàng ngày thì khí hoặc hơi là một trạng thái của vật chất có mật độ loãng, thông thường là lơ lửng trong không gian. Ngoài ra khí có thể chứa trong những khoảng không giữa các hạt rắn, hòa tan trong thể lỏng. Nhưng khí trong phong thủy lại trừu tượng hơn vì phong thủy cho rằng khí tồn tại ở mọi nơi và cấu tạo nên vạn vật. Khí

không ngừng biến hóa, không ngừng vận động. Khí chuyển động tạo ra gió (phong). Khí tích tụ sẽ biến thành nước(thủy) chảy trong mạch ngầm, trong sông ngòi hoặc tụ trong ao hồ. Cho nên nghiên cứu **Phong Thủy** thì chính là nghiên cứu sự biến hóa của **khí** . Đây là những khái niệm duy vật về khí. Phong thủy lại có những luận lý duy tâm về khí khi xem xét những khái niệm như sinh khí, tử khí, dương khí, âm khí, thổ khí, địa khí, thừa khí, nạp khí, khí mạch ... là những suy diễn sản phẩm của tư duy trừu tượng về sự biến hóa của khí. **Lý khí** - thuật xử lý về khí- là sự suy đoán của thầy phong thủy về sự vận động của khí theo những cơ sở hiểu biết của thầy để luận ra sinh khí, tránh lương tử khí.

Phong thủy quan niệm rằng thế giới từ không đến có. Khí là nguyên gốc. Từ khí sinh đôi thành âm dương. Sau đó lại phân thành năm vật chất là kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Sự thịnh, suy, còn mất của những vật chất này có những qui luật của nó. Ngoài ra những vật chất này lại gắn với những điều may mắn và điều tai hại và có thể dự báo được những điều may mắn hay tai hại này.

Sinh khí là điều mong ước và điều phải đạt nếu muốn được lành. Tử khí là điều dữ cần tránh và tìm mọi cách để tránh. Mỗi tháng, theo phương vị, sinh khí hoặc tử khí xuất hiện ở phương vị khác nhau. Động thổ ở phương vị sinh khí thì tốt lành, nếu động thổ ở phương vị có tử khí thì chịu điều dữ.

Phong thủy quan niệm rằng khí âm dương thổ dài là gió, bay lên là mây, rơi xuống là mưa, di chuyển trong lòng đất là sinh khí. Sinh khí tạo ra vạn vật. Thực chất thì quan niệm này phát sinh từ những quan sát thô sơ về sự chuyển hóa của nước mà thôi. Tại sao người xưa cho rằng khí di chuyển trong lòng đất tạo ra sinh khí. Đó là do quan sát khi có dòng ngầm dưới đất, cây cỏ trên mặt đất được tươi tốt hơn. Cụ Tả Ao xưa khuyên rằng, khi luận định long mạch, tức là nhìn nhận mạch khí trong đất phải quan sát thế đất để biết hướng mạch di chuyển. Nhiều khi mạch đi không phải chỉ lộ ra bề mặt đất mà nhìn cây cỏ trên mặt đất có thể luận đoán mạch ngầm.

Thuật phong thủy cho rằng khí biến hóa vô cùng. Sự biến hóa của khí hiểu theo thời xưa là dựa vào những nhận xét thiên nhiên đơn sơ và những khái niệm nặng về quan sát mà chưa có những phân tích về mặt bản chất hóa lý của sự vật. Thí dụ thuật phong thủy quan niệm rằng :” khí là mẹ của nước, nước là con của khí. Khí chuyển động, nước chuyển động theo: nước dừng, khí cũng dừng. Mẹ con xoắn xuýt bên nhau. Như thế thì nổi lên mặt đất để thấy được là nước còn dịch chuyển trong lòng đất không có vết tích đó là khí. Nhưng do khí và nước quyện lẫn với nhau nên quan sát nước chảy trên mặt đất mà luận ra khí dưới lòng đất, hoặc ngược lại luận về khí dưới ngầm mà biết được nước trên mặt đất.

Thuật phong thủy cho rằng khí quyết định họa phúc của con người. Có đất là có khí. Con người sinh ra là được khí, người sống là được khí ngưng tụ thành xương cốt, khi chết là trở về với khí, tan biến thành khí, hòa quyện với khí. Táng, chôn là để tiếp nhận sinh khí, phản khí nội cốt tạo ra phúc ấm. Khí vận động trong đất thể hiện thành địa thế. Khí tụ lại do thế dừng. Núi đồi là thân khí, gò đồng là cành nên khí di chuyển từ thân đến cành. Khí gặp gió sẽ tản ra, gặp nước thì tụ lại. Phép nghiên cứu phong thủy là tụ khí không cho tản đi, làm sao phải luận được khí vận hành mà lại tụ đúng điểm mong muốn.

Sinh khí ban đầu chỉ có một (nguyên khí) sau khi biến hóa vận động mà thành vô cùng vô tận. Trời không có khí thì không có gì cho đất. Đất không có khí thì không có gì để chứa. Sinh khí ẩn trong lòng đất, nhìn không thấy mà phải lấy lý để tìm ra nó. Đó là phép luận để thấy khí, đó chính là lý khí. Lập luận kiểu như lý ngụ trong khí, khí cố định thành ra hình, quan sát hình có thể luận ra khí. Người xưa cho rằng hài cốt cha mẹ là gốc của con cháu. Hình thể của con cháu là cành nhánh của cây cha mẹ. Gốc và cành tương ứng. Táng hoặc nơi cư ngụ ở nơi đất lành thì thần linh yên ổn, con cháu thịnh vượng.

Thuyết khí về nhà ở chủ yếu là thuyết nạp khí và thuyết sắc khí. Nạp khí gồm địa khí và môn khí. Địa khí là khí trong đất tại nơi làm nhà. Môn khí là khí từ cổng đưa vào, từ cửa vào nhà. Sắc khí là màu sắc cảm nhận được qua ngôi nhà. Cần nói rõ cho khách quan là chúng ta chưa phân tích đúng sai mà chỉ mới đưa ra những luận điểm cơ bản của phong thủy sử dụng khi làm nhà.

Để luận ra địa khí trong thôn ấp hay phố xá là điều mơ hồ. Khi làm nhà không thể bỏ qua phương vị. Địa khí luận được từ phương vị dẫn khí. Chẳng hạn như Mộc tinh, Kim tinh, Thổ tinh, làm nhà ở đây thì con cháu làm nên, ăn ra. Hoả tinh là long thần cần bác hoán (di dịch, hoán cải), nếu không ở chẳng ra gì. Thủy tinh cần tụ hội thì của cải đến nhà. Minh đường (trước nhà) cần rộng và bằng phẳng.

Từ phương vị(vị trí theo hướng), từ luận về thanh long (mạch nước), bạch hổ (đường cái cạnh nhà), minh đường, chu tước (đất đai, hồ nước trước nhà), huyền vũ (đất sau nhà), phong thủy có những điều lưu ý quan trọng như:

Lối ra vào của sườn núi hoặc thung lũng, tránh làm nhà. Trước nhà phải có minh đường rộng, thoáng. Huyền vũ không được quá cao. Bên trái nhà có dòng nước quanh co, nước không được tù túng mà cũng không được chảy xiết. Bên phải nhà có đường đi đủ rộng nhưng cũng không phải là lối đi tấp nập, ồn ào, dữ dội. Nhà không làm trên nền giếng lấp. Nhà tránh ở ngã ba đường cái mà có lối xộc thẳng đâm vào mặt tiền. Nhà không làm nơi ngõ cụt. Không chọn vị trí nhà gần đền chùa, miếu mạo. ... Phong thủy có thể giải thích theo quan điểm của mình những điều cần tránh vừa nêu. Chẳng hạn nhà làm nơi cửa núi, cửa thung lũng

thì gió độc vào nhà, gia đình ly tán. Làm nhà trên nền giếng cũ thì gia chủ ốm đau. Làm nhà trong ngõ cụt gia chủ đơn côi. Làm nhà gần đền miếu gia chủ tâm thần bất định. Làm nhà mà phía sau có núi cao chủ nhà cuồng chữ...

Kích thước của ngôi nhà, của các bộ phận nhà cửa theo phong thủy cũng có qui tắc khá chặt chẽ. Để đo chiều dài, người xưa sử dụng "bộ" thay cho " thước" (xích). Chín thước là hai bộ. Mỗi thước xấp xỉ 40 cm ngày nay. Số lượng "bộ" định cho từng bộ phận nhà hoặc toàn nhà cũng có phép tắc. Một "bộ" gọi là kiến, hai "bộ" là trừ, ba "bộ" là mãn, bốn "bộ" là bình, năm "bộ" là định, sáu "bộ" là chấp, bảy "bộ" là phá, tám "bộ" là nguy, chín "bộ" là thành, mười "bộ" là thu, mười một "bộ" là khai, mười hai "bộ" là bế. Đến "bộ" thứ 13 thì lặp lại chu kỳ trên.

Kiến là kích thước cơ bản, trừ là bỏ bớt, mãn là đầy đủ, bình là vừa phải, định là không có thay đổi, chấp là nên nắm lấy, phá là tan vỡ, nguy là không yên ổn, thành là đạt được điều hay, thu là nhận lấy, khai là mở mới, bế là dừng, là tắc. Theo như thế mà chọn lấy điều mong muốn khi định kích thước nhà và các bộ phận nhà. Kích thước lại được luận đoán theo lành dữ rất khiên cưỡng. Chẳng hạn như kiến là nguyên cát(gốc của điều lành), trừ là sáng sửa, mãn là thiên hình, bình là quyền thiệt(uốn lười), định là kim quý(thước vàng), chấp là thiên đức, phá là xung sát, nguy là ngọc đường, thành là tam hợp, thu là tặc kiếp(cướp giết), khai là sinh khí, bế là tai họa. Nên chọn kích thước theo kiến, mãn, bình, thu. Kích thước chấp nhận được là trừ, nguy, định, chấp. Thành, khai dùng tốt. Hết sức tránh các kích thước trong bộ bế, phá. Chiều rộng nhà không chọn mãn, bình, thu, bế. Chiều dài nhà lấy theo trừ, định, chấp, khai. Số "bộ" của nhà hợp với qui tắc trừ, định, chấp, nguy, khai, kiến thì ở trong nhà ấy sớm sinh quý tử. Nhà có số "bộ" hợp với qui tắc trừ, định, nguy, khai, chấp, kiến thì người trong nhà mau thăng quan tiến chức.

Thuật phong thủy hết sức coi trọng sự mở cửa của nhà. Cửa, cổng, đón đưa môn khí mà như lý khí luận thì môn khí cùng với địa khí là hai tiêu chí quan trọng nhất của ngôi nhà. Cửa có thể tiếp thiên khí nếu hướng lên trên, hướng xuống dưới thì tiếp địa khí, đón lành, tránh dữ. Để quyết định cửa của ngôi nhà, cần cân nhắc phương vị của cửa, xem cửa nên mở ra không gian nào, chiều cao, bề rộng của cửa, vật đối diện với cửa đều hết sức quan trọng. Cửa nhìn ra không gian thoáng đãng để có thể, khi ngược lên thì ngắm trăng, nhìn mây, coi ngang tầm mắt thì ngắm cây, nhìn hoa, đẹp biết mấy.

Sự trần thiết trong nhà cũng có những qui tắc theo phong thủy. Nơi đặt bài vị thờ cúng tránh đối diện với phương Thái Tuế. Đặt bài vị vào các năm Tí, Sửu, Dần, Hợi kiêng quay mặt hướng Bắc. Đặt bài vị vào các năm Mão, Thìn phải kiêng quay mặt hướng Đông. Các năm Tỵ, Ngọ, Mùi kiêng quay mặt hướng Nam. Các năm Thân, Dậu, Tuất kiêng quay mặt hướng Tây. Như thế, theo phong thủy, mỗi năm phải đặt lại

bài vị một lần. Xưa nay, nhiều nhà chỉ đặt hương bài vị một lần đầu có phải họ làm ăn sa sút.

Còn tổ chức không gian trong kiến trúc mặt bằng cần theo những qui định cũng khá chặt chẽ như cần đảm bảo các qui tắc đối xứng, ngay ngắn, rộng hẹp. Cây cối trong kiến trúc sân vườn của khuôn viên nhà ở cũng cần cẩn thận. Trồng cây dâu trước nhà là điều kiêng kỵ vì điều đó đồng nghĩa với tang môn thân. Đó chẳng qua vì tiếng Tâu, tang là dâu, đồng âm với tang là nhà có đám nên kiêng mà thôi. Sau nhà lại không nên trồng cây hoè mà phải trồng ở nơi đón khách. Đó vì muốn trình ra cái chí tam công nguyện ước. Truyện xưa kể Vương Dụ thời Tống trồng ba cây hoè ở sân trước và nói: "Hậu thế của ta sẽ có người làm đến tam công (tư mã, tư đồ, tư không) thật là thoả chí của ta".

Phong Thủy bắt đầu phát sinh từ Tiên Tần bên Tàu, dai dẳng kéo dài đến bây giờ còn nhiều người bị ảnh hưởng.

Thuật phong thủy, trên thì xem thiên văn, dưới xét địa lý. Lý thuyết cơ bản từ học thuyết thái cực, âm dương, ngũ hành, tinh tượng cực kỳ bí hiểm. Thày phong thủy thêu dệt chuyện li kì, gán ghép nhiều sự kiện lịch sử, thổi phồng sự trùng hợp ngẫu nhiên tô cho phong thủy màu sắc kỳ ảo, làm cho dân chúng cảm thấy thần bí.

Hãy hỏi có vua chúa nào xây cung, đặt mộ mà không vờ thày phong thủy tham mưu chính cho mình. Nhưng có đời vua chúa nào vĩnh hằng tồn tại. Khi thuận thời, nhà xây cho thuê khen được thày đặt đất, coi hướng làm nhà. Khi ế ẩm khách thuê như mấy năm nay, gia chủ ai nữ trách tại thày phong thủy.

Thiết kế kiến trúc giải quyết tốt công năng, kết cấu bền vững, đường dáng hài hoà, gia chủ phấn khởi làm nên ăn ra. Đó là cái phong thủy tốt nhất cho người sắp làm nhà vậy./.

VỀ PHONG THUY VÀ MÔ MẢ CÁC VUA, CÁC HẬU NHÀ MINH, NHÀ THANH

Lê Kiều

Trong lịch sử Trung quốc thì thuyết phong thủy cực thịnh vào thời nhà Minh, nhà Thanh. Có hai khái niệm mà nhiều người thường hoà trộn làm một đó là phong thủy và thuật phong thủy. Duy danh định nghĩa thì phong thủy là gió và nước. Gió và nước tạo nên những nhận thức sơ khởi về vũ trụ quanh ta. Cụ thể thì phong thủy được hiểu là đất đai, địa thế, địa hình, địa mạo, thủy văn, phương hướng, trạng thái vi khí hậu quanh ta. Có thể nói khái quát phong thủy là môi trường vật chất chứa con người sinh tồn trong đó. Thuật phong thủy là những suy nghĩ, luận lý của con người và cách thích ứng của con người khi nằm trong môi trường phong thủy ấy.

Những nhà nghiên cứu Trung quốc học cho rằng thời Tiên Tần bắt đầu thai nghén, đến Tần Hán bắt đầu phát sinh thuật phong thủy nhưng phải qua đời Ngụy Tấn thuật phong thủy mới được truyền bá.

Bắt đầu đời Tống, thuật phong thủy bắt đầu thịnh hành. Nhưng phải đến Minh, Thanh thuật phong thủy mới được công nhận chính thức và được phổ biến công khai, hợp pháp.

Trước đây phong thủy bao hàm âm dương học, địa lý học và thuật số. Âm dương học nghiên cứu về thiên văn, tinh tượng. Âm dương học cũng nghiên cứu về địa lý là nơi con người sinh, trưởng và nhìn thấy trời. Phương pháp luận cơ bản của âm dương học là âm dương ngũ hành. Âm dương học được công nhận chính thức từ triều Nguyên (Chí Nguyên, năm thứ 28) mà đối tượng được công nhận là công việc nghiên cứu, quan sát sự vận hành của vũ trụ, xem trời, xem sao đoán việc lành dữ của hiện tượng thiên văn, dự báo thời tiết, xem đất làm nhà, xem đất đặt mộ, mả, định lịch phục vụ tế lễ, giúp định thời vụ sản xuất nông nghiệp. Đến đời Minh Hồng Vũ, năm Bính dần, ngày 5 tháng 5 âm lịch, vua

Hồng Vũ nhà Minh quyết định đặt chức quan coi về âm dương học, chuyên lo quản lý và đào tạo các đối tượng của âm dương học như vừa nói trên.

Thời Minh trở đi, từ việc chọn đất làm đô thị, kinh đô đến làm nhà, đặt mộ mả đều được xem xét cẩn thận. Nhiều người nhờ có hiểu biết, ham lý giải phong thủy mà vinh hiển. Ngược lại có nhiều người vì chọn sai ngày, chọn thế đất vua không ưa mà không những bản thân thiệt mạng làm liên lụy đến chín họ bị chặt đầu.

Mộ mả là thành tố quan trọng bậc nhất đối với cuộc sống tinh thần lúc trị vì cũng như khi xảy ra cái chết của vua chúa từ khi có thuật phong thủy. Ngay sau khi lập xong nhà Minh, Chu nguyên Chương liền hội quân thân tại Nam Kinh bàn việc xây lăng mộ. Tại Nam Kinh lúc đó có Chung Sơn là đất có thế đẹp để đặt mộ mả nhưng lại dày đặc lăng mộ đã chôn. Chu nguyên Chương cứ quyết định đặt lăng tẩm tại Chung Sơn. Tuy có dịch khu mộ chính của dòng họ mình xuống phía Nam nhưng họ Chu đã cho di chuyển đi hết các lăng mộ trên núi Chung Sơn này đi. Đồn rằng họ Chu chỉ giữ lại mộ Ngô vương Tôn quyền (một trong ba chân vạc Tam quốc) và Ngô vương chỉ được coi như kẻ gác mộ cho dòng họ Chu nhà Minh.

Sau đó có Liêu Quân Khanh là thầy phong thủy khá tinh thông giới thiệu cho Minh Thành Tổ (1403-1426) một quả núi cấu tạo từ đất sét hoàng thổ ở huyện Xương Bình, Bắc Kinh để xây hoàng lăng. Chu Đệ (Minh Thành Tổ) rất ưng và đổi tên núi đất đó thành Thiên Thọ Sơn. Đến cuối triều Minh, tại đây đã táng 13 vị hoàng đế Nhà Minh nên gọi là Thập Tam Lăng.

Lăng mộ ở Thập Tam Lăng xếp đúng theo trình tự thế hệ, căn cứ vào ngũ hành tương sinh Mộc, Hoả, Thổ, Kim, Thủy mà đặt tên theo thứ tự như Chúc , Đệ, Cơ, Trấn, Ngọc, Thâm, Đường, Chiêu , Thông, Hậu, Quân, Hiệ, Kiềm (tên các Hoàng đế được táng trong Thập Tam Lăng).

Trong khi phong kiến nhà Minh lo xây lăng mộ cho Hoàng tộc nhà mình nhưng lại sợ nhà Hậu Kim sẽ hưng vượng và thay thế dòng họ mình nên cho tay chân lên núi Phòng Sơn đào đứt long mạch, diệt long khí của mộ tổ người Kim. Thế mà Hậu Kim vẫn phát triển lớn mạnh, thành nhà Đại Thanh sau này thống trị Trung quốc trên 200 năm.

Đời nhà Thanh, vua Thanh Thế Tổ (1643-1661), niên hiệu Thuận trị, lúc cuối đời cho xây dựng mộ mả cho các vua dòng họ mình tại chân núi Xương Thủy, huyện Tuân Hoá, tỉnh Hà Bắc. Đây là thế đất rất đẹp, sơn mạch uốn khúc như phượng múa, rồng bay. Bên trái có núi châu về phù đở, bên phải cũng có núi hướng tựa, uốn châu. Trái, phải lại

có sông chảy kèm hai bên rồi tụ hội nơi Long Hồ Cốc. Nơi này lúc đầu chỉ là Hiếu Lăng, sau mở rộng thành Thanh Đông Lăng. Tại đây đã táng các vua nhà Thanh là Thuận trị, Khang Hy, Càn long, Hàm Phong, của các hậu và phi là Từ Hi, Cảnh phi, Cảnh song phi, Dụ phi, Định phi, Huệ phi và một lăng công chúa.

Khu Thanh Đông Lăng cách Bắc kinh 125 km. Chiều rộng của khu vực lăng theo hướng Đông Tây là 26 km, theo hướng Bắc Nam là 125 km diện tích khu đất lăng xấp xỉ 3000 km² bao gồm các huyện Tuân Hoá, Kế, Mật, Vân ... Dân chúng tuyệt đối không được xâm phạm đất đai của lăng. Thậm chí vào kiểm củi cũng bị trị tội rất nặng. Người địa chất đã thấy giáp khu vực lăng có mỏ bạc nhưng khi tấu xin khai thác, vua Thanh Hàm Phong, năm 1853, đã ban phê lời từ chối, không cho khai thác:

" Tuy Tang Viên Sơn có mỏ bạc, lại không cùng long mạch với Vụ Linh Sơn của Đông lăng, nhưng dù sao cũng gần với khu vực phong thủy của lăng phải bảo tồn, không được khai mỏ".

Khu vực Thanh Đông Lăng được sắp xếp rất đẹp, xét theo cách nhìn của Kiến trúc sư. Đây là cái đẹp cân xứng, nghiêm chỉnh, có trục, có hàng đứng đắn. Mỗi lăng của Hoàng đế đều xây dựng theo tư duy nghiêm chỉnh, lấy trục chính giữa theo hướng Bắc Nam song song với đường kinh tuyến làm trục đối xứng. Các kiến trúc vật đều quay mặt nhìn hướng Nam. Đầu Bắc của các công trình bám theo trục trung tâm là Long Ân điện nằm trong thành hình vuông. Hai bên đường trục này là từng cặp hạng mục công trình kiến trúc đối xứng qua trục. Vào xem lăng mà như vào thăm cung đình trang nghiêm, tưởng như vua còn sống.

Một đặc điểm rõ nét của các lăng triều nhà Thanh là sự kết hợp hài hoà giữa các hạng mục công trình với thiên nhiên. Mỗi lăng đều có mạch núi chạy ngang phía trước xa xa làm lá chắn. Phía sau lăng lại có núi cao hơn làm ra thế huyền vũ tựa đầu. Kênh mương khơi nhân tạo để thoát nước, làm thành dòng chảy luôn có nước róc rách. Hai bờ mương kê đá. Vắt qua mương uốn lượn làm những cầu nhỏ tùy theo địa hình mà tạo dáng cho ăn nhập. Có sẵn núi nhỏ càng tốt, nếu theo phong cảnh và địa thế cần thiết thì đắp thêm núi nhỏ. Trên núi nhỏ làm các nhà đình vũ theo kiểu nhà thoáng, cột đỡ mái cong, mỗi cái một kiểu, khéo léo tài hoa.

Sắp xếp kiến trúc lăng tẩm nhà Thanh thể hiện những trung tâm khá đậm nét. Trong Thanh Đông lăng thì Hiếu lăng, lăng vua Thuận trị được lấy là trung tâm. Bên phía Tây là Cảnh lăng, lăng của vua Khang hy, và phía Đông là Dụ lăng, lăng của vua Càn long.

Tuy lăng tẩm đã đặt vào quy hoạch nhưng đến đời vua nào lại chọn cho mình vị trí theo ý thích. Như vua Càn long chẳng hạn, Khi

đứng tuổi, vua Càn long bắt đầu nghĩ đến chỗ nằm lúc về già. Vua Càn long đã chọn cho mình khu đất có tên "Thắng Thủy Cốc" để xây Dụ lăng cho mình. Theo thầy phong thủy thì Thắng Thủy Cốc có thể long bàn hổ cứ, tinh cung vân liên mà như luận đoán thì tốt lành đến vạn năm.

Từ Hi thái hậu rất tin phong thủy. Khi chọn chỗ cho mình lúc về già, nhiều lần thái hậu đã đến kiểm tra việc xây táng địa cho mình. Thái hậu đã từng cỡi chuỗi hạt đính 18 viên ngọc trên châu ném xuống huyết để trấn tà ma sẽ những nhiều. Khi bà chết, trong mộ chôn táng rất nhiều vàng, bạc, châu báu. Chuyện kể rằng khi chết mồm bà ngậm viên ngọc dạ minh châu mà nếu chưa đưa vào trong quan tài thì cách trăm bước, nhờ ánh sáng của viên ngọc mà có thể nhìn thấy những sợi tóc trên đầu.

Vào những năm cuối nhà Thanh, đầu Dân quốc, Tôn Diện Anh, nhà quân phiệt Trung hoa đã đào mả Từ Hi để lấy của. Sau đó quân thổ phỉ cũng đã đào hết các lăng các vua Khang Hy, Hàm Phong, Đồng Trị để lấy của cải.

Ngày nay những lăng tẩm đã được tu bổ lại. Thanh Đông Lăng thành nơi thắng cảnh, thu hút khá nhiều khách du lịch. Lên đỉnh giữa của Xương Thủy Sơn nhìn chung quanh, núi non lượn uốn, nhìn xuống thấp công trình kiến trúc nhấp nhô từng hàng, từng dãy. Thiên nhiên mệnh mang, sức lao động của con người vô tận. Phong cảnh thật hào hùng. Khách tham quan khen đẹp nhưng cũng khó tránh khỏi ngậm ngùi cảm khái trước lẽ huyền diệu và vô tình của thời gian./.

MỘT DỤNG CỤ CỦA THẦY ĐỊA LÝ XƯA

PGs **Lê Kiều**

Trong mỗi nghề nghiệp thường dùng một số dụng cụ hoặc thiết bị chuyên ,đặc trưng cho công việc . Trong nghề địa lý xưa ,rất hay dùng đến cái la bàn . La bàn là dụng cụ gồm một kim nhiễm từ chính giữa có gắn một trụ quay. Phần dưới kim là một mặt tròn ghi những thông tin trực tiếp sử dụng khi dùng la bàn .

Loại la bàn nhỏ được gọi là tróc long (tìm long mạch)và lớn là la kinh hoặc la bàn .

Trên mặt la bàn vẽ nhiều vòng tròn mà tâm là tâm quay của kim nhiễm từ . Thường làm ba vòng đồng tâm mà vòng ngoài cùng gọi là vòng Thiên bàn , vòng giữa là vòng Nhân bàn ,vòng trong cùng là vòng Địa bàn . Đối với những la bàn lớn người ta làm số vòng trên 13 vòng. Thực chất những vòng này là thông tin chứa sẵn để tra cứu theo chuyên đề mà người sử dụng cần tìm .

Nếu chỉ là cỡ ba vòng thì vòng Thiên bàn dùng xem hướng nước tụ , nước chảy . Vòng Địa bàn dùng ấn định long mạch . Vòng Nhân bàn để định sự tốt xấu của các sa (Sa là các gò đống , các hình thái của mặt đất). Vòng tròn được chia thành 24 ô , mỗi ô ứng với 15° (toàn vòng có 360°) . Vạch chia như sau : Nếu lấy vòng Địa bàn làm gốc thì vòng Thiên bàn lệch về phải nửa ô và vòng Nhân bàn lệch về trái nửa ô .

Chữ ghi trên các vòng như sau :

Chính Đông trùng chữ Mão

Chính Tây trùng chữ Dậu
Chính Nam trùng chữ Ngọ
Chính Bắc trùng chữ Tý .

Nếu kể theo chiều kim đồng hồ từ Mão trở đi thì ta có 24 ô (cửa) như sau : Mão , Ất , Thìn , Tốn , Tỵ , Bính , Ngọ , Đinh , Mùi , Khôn , Thân , Canh , Dậu , Tân , Tuất , Càn , Hợi , Nhâm , Tý , Quý , Sửu , Cấn , Dần , Giáp .

Như vậy , phương Đông có : Giáp Mão Ất ; Đông Nam có Thìn Tốn Tỵ , Nam có Bính Ngọ Đinh ; Tây Nam có Mùi Khôn Thân ; Tây có Canh Dậu Tân ; Tây Bắc có Tuất Càn Hợi; Bắc có Nhâm Tý Quý ; Đông Bắc có Sửu Cấn Dần .

Các hướng thuộc Địa chí là : Tý Sửu Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu Tuất Hợi (12 hướng Địa chí).

Tám hướng thuộc thập Can là : Giáp Ất Bính Đinh Canh Tân Nhâm Quý (bỏ Mậu , Kỷ trong thập can).

Bốn hướng bát quái là : Càn Khôn Cấn Tốn .

Các hướng sắp xếp đối xứng gọi là Bát Sơn Đối diện là Càn - Tốn, Khảm - Ly , Cấn - Khôn , Chấn - Đoài .

Bắc thuộc Khảm ,Đông thuộc Chấn , Nam thuộc Ly , Tây thuộc Đoài .

Theo Ngũ hành thì Chính giữa là hành Thổ , Bắc thuộc hành Thủy, Đông thuộc hành Mộc , Nam hành Hỏa , Tây hành Kim .

Ứng với Tý là Nhân huyết , Ứng với Cấn là Quý môn , Ứng với Tốn là Địa hộ , Ứng với Bính là Địa huyết ,Ứng với Khôn là Nhân môn , Ứng với Canh là Thiên huyết , Ứng với Càn là Thiên môn .

Trên đây là những thông tin cơ bản cho một la bàn . Việc sử dụng la bàn vào mục tiêu nào yêu cầu người sử dụng phải tinh thông thuật lý. Nghề xây dựng động chạm nhiều đến thuật phong thủy mà cái gốc để luận phong thủy lấy âm dương , ngũ hành làm căn bản .

Thế đất bình phẳng là dương thì gò đồng nổi cao hơn lại là âm . Đất sơn cước nhiều gò cao , núi cao , là âm thì thung lũng bãi bằng trong khung cảnh đồi núi lại là dương .Chọn thế đất cần lấy sự cân bằng âm dương làm trọng . Đất sơn cước cường dũng nên chọn vị trí ở nơi có mạch nhỏ (Long gày) . Đất bình dương thấp phẳng nên chọn vị trí cao tọa lạc (khởi đột) .

Bên tả (trái) có nước chảy là thế Thanh Long , Bên hữu (phải) có đường dài là thế Bạch Hổ . Thế đất có ao , đầm đàng trước là Chu Tước . Thế đất đàng sau có gò đồng núi non là thế Huyền Vũ .

Long là dương , Hổ là âm . Long Hổ phải tương nhượng nhau thì gia đình hòa thuận , trai gái xum vầy .

Núi chủ tĩnh (đứng yên) là âm thì nước chảy (chủ động) là dương . Thế đất đẹp là thế có núi chủ tĩnh quay đầu như động , nước chủ động nở

rộng lững lờ như chảy , như không , lưu luyến dùng dằng. Núi và nước cặp
kề bên nhau , bảo vệ nhau , nuôi dưỡng nhau là thế đất tuyệt vời .

Ngoài phương hướng theo Ngũ hành thế đất tròn là Kim , thế dài là
Mộc , thế nhọn là Hỏa , thế vuông là Thổ , thế như sóng gợn là Thủy.

La bàn chỉ là công cụ , kiến thức và kinh nghiệm quyết định tài ba của
người làm nghề Địa lý thời xưa ./.

.LE KIEU
Professor of Hanoi
University of Civil Engineering

Hanoi le 20 Decembre 1995

Chère Mme Ketty LE- LAROCHE
Rond Point de Mazargues
13009 Marseille
France

Nous sommes profondément affligés d'avoir appris que Mme DIANE
LETHANG , ma tante , est décédée le 7 Decembre 1995 . En vous exprimant
comment nous voudrions partager avec vous cette perte si immensurable ,

nous vous prions de recevoir , chère Ketty , nos très sincères condoléances .

Ton cousin

VỀ PHONG THUY VÀ MÔ MẢ CÁC VUA, CÁC HẬU NHÀ MINH , NHÀ THANH

Lê Kiều

Trong lịch sử Trung quốc thì thuyết phong thủy cực thịnh vào thời nhà Minh, nhà Thanh. Có hai khái niệm mà nhiều người thường hoà trộn làm một đó là phong thủy và thuật phong thủy. Duy danh định nghĩa thì phong thủy là gió và nước. Gió và nước tạo nên những nhận thức sơ khởi về vũ trụ quanh ta. Cụ thể thì phong thủy được hiểu là đất đai, địa thế, địa hình, địa mạo, thủy văn, phương hướng, trạng thái vi khí hậu quanh ta. Có thể nói khái quát phong thủy là môi trường vật chất chứa con người sinh tồn trong đó. Thuật phong thủy là những suy nghĩ, luận lý của con người và cách thích ứng của con người khi nằm trong môi trường phong thủy ấy.

Những nhà nghiên cứu Trung quốc học cho rằng thời Tiên Tần bắt đầu thai nghén, đến Tần Hán bắt đầu phát sinh thuật phong thủy nhưng phải qua đời Ngụy Tấn thuật phong thủy mới được truyền bá.

Bắt đầu đời Tống, thuật phong thủy bắt đầu thịnh hành. Nhưng phải đến Minh, Thanh thuật phong thủy mới được công nhận chính thức và được phổ biến công khai, hợp pháp.

Trước đây phong thủy bao hàm âm dương học, địa lý học và thuật số. Âm dương học nghiên cứu về thiên văn, tinh tượng. Âm dương học cũng nghiên cứu về địa lý là nơi con người sinh, trưởng và nhìn thấy trời. Phương pháp luận cơ bản của âm dương học là âm dương ngũ hành. Âm dương học được công nhận chính thức từ triều Nguyên (Chí Nguyên, năm thứ 28) mà đối tượng được công nhận là công việc nghiên cứu , quan sát sự vận hành của vũ trụ, xem trời, xem sao đoán việc lành dữ

của hiện tượng thiên văn, dự báo thời tiết, xem đất làm nhà, xem đất đặt mộ, mả, định lịch phục vụ tế lễ, giúp định thời vụ sản xuất nông nghiệp. Đến đời Minh Hồng Vũ, năm Bính dần, ngày 5 tháng 5 âm lịch, vua Hồng Vũ nhà Minh quyết định đặt chức quan coi về âm dương học, chuyên lo quản lý và đào tạo các đối tượng của âm dương học như vừa nói trên.

Thời Minh trở đi, từ việc chọn đất làm đô thị, kinh đô đến làm nhà, đặt mộ mả đều được xem xét cẩn thận. Nhiều người nhờ có hiểu biết, ham lý giải phong thủy mà vinh hiển. Ngược lại có nhiều người vì chọn sai ngày, chọn thế đất vua không ưa mà không những bản thân thiệt mạng làm liên lụy đến chín họ bị chặt đầu.

Mộ mả là thành tố quan trọng bậc nhất đối với cuộc sống tinh thần lúc trị vì cũng như khi xảy ra cái chết của vua chúa từ khi có thuật phong thủy. Ngay sau khi lập xong nhà Minh, Chu nguyên Chương liền hội quần thần tại Nam Kinh bàn việc xây lăng mộ. Tại Nam Kinh lúc đó có Chung Sơn là đất có thế đẹp để đặt mộ mả nhưng lại dày đặc lăng mộ đã chôn. Chu nguyên Chương cứ quyết định đặt lăng tẩm tại Chung Sơn. Tuy có dịch khu mộ chính của dòng họ mình xuống phía Nam nhưng họ Chu đã cho di chuyển đi hết các lăng mộ trên núi Chung Sơn này đi. Đồn rằng họ Chu chỉ giữ lại mộ Ngô vương Tôn quyền (một trong ba chân vạc Tam quốc) và Ngô vương chỉ được coi như kẻ gác mộ cho dòng họ Chu nhà Minh.

Sau đó có Liêu Quân Khanh là thầy phong thủy khá tinh thông giới thiệu cho Minh Thành Tổ (1403-1426) một quả núi cấu tạo từ đất sét hoàng thổ ở huyện Xương Bình, Bắc Kinh để xây hoàng lăng. Chu Đệ (Minh Thành Tổ) rất ưng và đổi tên núi đất đó thành Thiên Thọ Sơn. Đến cuối triều Minh, tại đây đã táng 13 vị hoàng đế Nhà Minh nên gọi là Thập Tam Lăng.

Lăng mộ ở Thập Tam Lăng xếp đúng theo trình tự thế hệ, căn cứ vào ngũ hành tương sinh Mộc, Hoả, Thổ, Kim, Thủy mà đặt tên theo thứ tự như Chúc , Đệ, Cơ, Trấn, Ngọc, Thâm, Đường, Chiêu , Thông, Hậu, Quân, Hiệu, Kiểm (tên các Hoàng đế được táng trong Thập Tam Lăng).

Trong khi phong kiến nhà Minh lo xây lăng mộ cho Hoàng tộc nhà mình nhưng lại sợ nhà Hậu Kim sẽ hưng vượng và thay thế dòng họ mình nên cho tay chân lên núi Phòng Sơn đào đứt long mạch, diệt long khí của mộ tổ người Kim. Thế mà Hậu Kim vẫn phát triển lớn mạnh, thành nhà Đại Thanh sau này thống trị Trung quốc trên 200 năm.

Đời nhà Thanh, vua Thanh Thế Tổ (1643-1661), niên hiệu Thuận trị, lúc cuối đời cho xây dựng mộ mả cho các vua dòng họ mình tại

chân núi Xương Thủy, huyện Thuận Hoá, tỉnh Hà Bắc. Đây là thế đất rất đẹp, sơn mạch uốn khúc như phượng múa, rồng bay. Bên trái có núi châu về phù đờ, bên phải cũng có núi hướng tựa, uốn châu. Trái, phải lại có sông chảy kèm hai bên rồi tụ hội nơi Long Hồ Cốc. Nơi này lúc đầu chỉ là Hiếu Lăng, sau mở rộng thành Thanh Đông Lăng. Tại đây đã táng các vua nhà Thanh là Thuận trị, Khang Hy, Càn long, Hàm Phong, của các hậu và phi là Từ Hi, Cảnh phi, Cảnh song phi, Dụ phi, Định phi, Huệ phi và một lăng công chúa.

Khu Thanh Đông Lăng cách Bắc kinh 125 km. Chiều rộng của khu vực lăng theo hướng Đông Tây là 26 km, theo hướng Bắc Nam là 125 km diện tích khu đất lăng xấp xỉ 3000 km² bao gồm các huyện Thuận Hoá, Kế, Mật, Vân ... Dân chúng tuyệt đối không được xâm phạm đất đai của lăng. Thậm chí vào kiểm củi cũng bị trị tội rất nặng. Người địa chất đã thấy giáp khu vực lăng có mỏ bạc nhưng khi tấu xin khai thác, vua Thanh Hàm Phong, năm 1853, đã ban phê lời từ chối, không cho khai thác:

" Tuy Tang Viên Sơn có mỏ bạc, lại không cùng long mạch với Vụ Linh Sơn của Đông lăng, nhưng dù sao cũng gần với khu vực phong thủy của lăng phải bảo tồn, không được khai mỏ".

Khu vực Thanh Đông Lăng được sắp xếp rất đẹp, xét theo cách nhìn của Kiến trúc sư. Đây là cái đẹp cân xứng, nghiêm chỉnh, có trục, có hàng đứng đắn. Mỗi lăng của Hoàng đế đều xây dựng theo tư duy nghiêm chỉnh, lấy trục chính giữa theo hướng Bắc Nam song song với đường kinh tuyến làm trục đối xứng. Các kiến trúc vật đều quay mặt nhìn hướng Nam. Đầu Bắc của các công trình bám theo trục trung tâm là Long Ân điện nằm trong thành hình vuông. Hai bên đường trục này là từng cặp hạng mục công trình kiến trúc đối xứng qua trục. Vào xem lăng mà như vào thăm cung đình trang nghiêm, tưởng như vua còn sống.

Một đặc điểm rõ nét của các lăng triều nhà Thanh là sự kết hợp hài hoà giữa các hạng mục công trình với thiên nhiên. Mỗi lăng đều có mạch núi chạy ngang phía trước xa xa làm lá chắn. Phía sau lăng lại có núi cao hơn làm ra thế huyền vũ tựa đầu. Kênh mương khơi nhân tạo để thoát nước, làm thành dòng chảy luôn có nước róc rách. Hai bờ mương kê đá. Vắt qua mương uốn lượn làm những cầu nhỏ tùy theo địa hình mà tạo dáng cho ăn nhập. Có sẵn núi nhỏ càng tốt, nếu theo phong cảnh và địa thế cần thiết thì đắp thêm núi nhỏ. Trên núi nhỏ làm các nhà đình vũ theo kiểu nhà thoáng, cột đỡ mái cong, mỗi cái một kiểu, khéo léo tài hoa.

Sắp xếp kiến trúc lăng tẩm nhà Thanh thể hiện những trung tâm khá đậm nét. Trong Thanh Đông lăng thì Hiếu lăng, lăng vua Thuận trị được lấy là trung tâm. Bên phía Tây là Cảnh lăng, lăng của vua Khang Hy, và phía Đông là Dụ lăng, lăng của vua Càn long.

Tuy lăng tẩm đã đặt vào quy hoạch nhưng đến đời vua nào lại chọn cho mình vị trí theo ý thích. Như vua Càn long chẳng hạn, Khi đứng tuổi, vua Càn long bắt đầu nghĩ đến chỗ nằm lúc về già. Vua Càn long đã chọn cho mình khu đất có tên "Thắng Thủy Cốc" để xây Dụ lăng cho mình. Theo thầy phong thủy thì Thắng Thủy Cốc có thể long bàn hổ cứ, tinh cung vân liên mà như luận đoán thì tốt lành đến vạn năm.

Từ Hi thái hậu rất tin phong thủy. Khi chọn chỗ cho mình lúc về già, nhiều lần thái hậu đã đến kiểm tra việc xây táng địa cho mình. Thái hậu đã từng cưỡi chuỗi hạt đính 18 viên ngọc trên châu ném xuống huyệt để trấn tà ma sẽ những nhiều. Khi bà chết, trong mộ chôn táng rất nhiều vàng, bạc, châu báu. Chuyện kể rằng khi chết mồm bà ngậm viên ngọc dạ minh châu mà nếu chưa đưa vào trong quan tài thì cách trăm bước, nhờ ánh sáng của viên ngọc mà có thể nhìn thấy những sợi tóc trên đầu.

Vào những năm cuối nhà Thanh, đầu Dân quốc, Tôn Diệm Anh, nhà quân phiệt Trung hoa đã đào mả Từ Hi để lấy của. Sau đó quân thổ phỉ cũng đã đào hết các lăng các vua Khang Hy, Hàm Phong, Đồng Trị để lấy của cải.

Ngày nay những lăng tẩm đã được tu bổ lại. Thanh Đông Lăng thành nơi thắng cảnh, thu hút khá nhiều khách du lịch. Lên đỉnh giữa của Xương Thủy Sơn nhìn chung quanh, núi non lượn uốn, nhìn xuống thấp công trình kiến trúc nhấp nhô từng hàng, từng dãy. Thiên nhiên mệnh mang, sức lao động của con người vô tận. Phong cảnh thật hào hùng. Khách tham quan khen đẹp nhưng cũng khó tránh khỏi ngậm ngùi cảm khái trước lễ huyền diệu và vô tình của thời gian./.

PHONG THUỶ VÀ NHÀ CỬA

Gs Mộc Thiên

Thời xưa, những gia đình có học, có tiền, hoặc là quan chức, khi làm nhà cần xem phong thủy rất cẩn thận. Vị trí đặt ngôi nhà thường chọn nơi có dòng nước uốn quanh, đằng sau xa xa có đồi hoặc là núi thấp án giữ. Ngôi nhà gắn với thiên nhiên, có màu xanh cây lá, có dòng nước mát dịu, nhà tôn cảnh, cảnh làm nổi bật nhà. Địa thế làm nhà như vậy là để nhận khí thiêng sông núi, tinh hoa của mặt trời, mặt trăng. Không gian khoáng đạt thuận lợi cho việc di dưỡng tinh thần, rèn luyện ý chí. Những chuyện như thế, ngày nay tìm đâu ra với cảnh đất chật, người đông.

Vị trí làm nhà ngày xưa chọn nơi: "Núi Cửu Hoa, chùa ẩn trong mây, sông Thanh Qua cầu vờn nhành liễu". Thôn xóm nằm gọn trong vòng ôm của hàng liễu, có dòng nước uốn lượn, phía Bắc xa xa có núi xanh như bình phong chắn ngõ. Động và tĩnh hài hoà làm cho con người sinh sống trong môi trường thật là dễ chịu.

Phong thủy có cả một kho lí thuyết dài dòng để chỉ dẫn cách tìm đất làm nhà. Nhà làm trên vùng núi thì xem thế núi, luận long mạch để xác định đúng vị thế nhà. Vùng góc đồi ở nơi rộng thoáng thì bốn phía phải như quy châu. Không được quá trống trải, không có vực hoặc thế đất trụt, trượt. Vùng đồng bằng phải có long mạch, có đường quanh bên phải, có ngòi nước bên trái, trước nhà có sân và vườn rộng, xa nữa là hồ, là ao. Sau nhà đất tạo thế như mây đùn, khói toả.

Một cách khái quát thì luận về nhà cửa cũng cần dựa vào lý thuyết cơ bản của phong thủy là **khí** và **lí khí** (Tạp chí Xây dựng số 4/1999).

Thuyết khí về nhà ở chủ yếu là thuyết nạp khí và thuyết sắc khí. Nạp khí gồm địa khí và môn khí. Địa khí là khí trong đất tại nơi làm nhà. Môn khí là khí từ cổng đưa vào, từ cửa vào nhà. Sắc khí là màu sắc cảm nhận được qua ngôi nhà. Cần nói rõ cho khách quan là chúng ta chưa phân tích đúng sai mà chỉ mới đưa ra những luận điểm cơ bản của phong thủy sử dụng khi làm nhà.

Để luận ra địa khí trong thôn ấp hay phố xá là điều mơ hồ. Khi làm nhà không thể bỏ qua phương vị. Địa khí luận được từ phương vị dẫn khí. Chẳng hạn như Mộc tinh, Kim tinh, Thổ tinh, làm nhà ở đây thì con cháu làm nên, ăn ra. Hoả tinh là long thần cần bác hoá (di dịch, hoá cải), nếu không ở chẳng ra gì. Thủy tinh cần tụ hội thì của cải đến nhà. Minh đường (trước nhà) cần rộng và bằng phẳng.

Từ phương vị(vị trí theo hướng), từ luận về thanh long (mạch nước), bạch hổ (đường cái cạnh nhà), minh đường, chu tước (đất đai, hồ nước trước nhà), huyền vũ (đất sau nhà), phong thủy có những điều lưu ý quan trọng như:

Lối ra vào của sườn núi hoặc thung lũng, tránh làm nhà. Điều này dễ hiểu vì những lối này thường bị hạn chế về kích thước chiều rộng. Gió thổi qua những lối này có vận tốc lớn hơn những chỗ khác nên tuy được cái mát mẻ nhờ gió lưu thông tốc độ cao nhưng cũng dễ vì thế mà cơ thể con người trong nhà dễ nhiễm lạnh. Gió luôn lách vào nhà dễ tạo ra luồng gió lùa, như y học cổ truyền, dễ tạo ra cảm mạo phong hàn. Trước nhà phải có minh đường rộng, thoáng. Điều này có thể hiểu là trước nhà có không gian rộng để đón nắng, làm rộng tầm mắt cho con người thoải mái. Huyền vũ không được quá cao. Sau nhà không bị chắn cản làm cho khi mưa, nước đe dọa xô xuống sau nhà, thậm chí đất có thể sập úp kín ngôi nhà ta ở. Tuy thế, sau nhà cũng không được có hố sâu. Có hố sâu sau nhà, phong thủy rất kiêng kị. Bên trái nhà có dòng nước quanh co, nước không được tù túng mà cũng không được chảy xiết. Bên phải nhà có đường đi đủ rộng nhưng cũng không phải là lối đi tấp nập, ồn ào, dữ dội. Nhà không làm trên nền giếng lấp. Nhà làm trên giếng lấp sợ đất lấp chưa hoàn thổ sẽ lún sụt trong nhà hoặc ít ra tạo vùng ẩm thấp do đất xốp chứa nước nhiều hơn chỗ đất nguyên. Nhà tránh ở ngã ba đường cái mà có lối xộc thẳng đâm vào mặt tiền. Nhà không làm nơi ngõ cụt. Thường những nơi này hay có luồng gió quẩn, đưa bụi bẩn vào nhà. Không chọn vị trí nhà gần đền chùa, miếu mạo. ... Phong thủy có thể giải thích theo quan điểm của mình những điều cần tránh vừa nêu. Chẳng hạn nhà làm nơi cửa núi, cửa thung lũng thì gió độc vào nhà, gia đình ly tán. Làm nhà trên nền giếng cũ thì gia chủ ốm đau. Làm nhà trong ngõ cụt gia chủ đơn côi. Làm nhà gần đền miếu gia chủ tâm thần bất định. Hàng ngày con người cần lao động để tồn tại mà luôn luôn tiếp xúc với không khí thần thánh, sao mà ổn định tâm lí được. Làm nhà mà phía sau có núi cao chủ nhà cuồng chữ...

Kích thước của ngôi nhà , của các bộ phận nhà cửa theo phong thủy cũng có qui tắc khá chặt chẽ. Để đo chiều dài, người xưa sử dụng "bộ" thay cho " thước" (xích). Chính thước là hai bộ. Mỗi thước xấp xỉ

40 cm ngày nay. Số lượng "bộ" định cho từng bộ phận nhà hoặc toàn nhà cũng có phép tắc. Một "bộ" gọi là kiến, hai "bộ" là trừ, ba "bộ" là mãn, bốn "bộ" là bình, năm "bộ" là định, sáu "bộ" là chấp, bảy "bộ" là phá, tám "bộ" là nguy, chín "bộ" là thành, mười "bộ" là thu, mười một "bộ" là khai, mười hai "bộ" là bế. Đến "bộ" thứ 13 thì lặp lại chu kỳ trên.

Kiến là kích thước cơ bản, **trừ** là bỏ bớt, **mãn** là đầy đủ, **bình** là vừa phải, **định** là không có thay đổi, **chấp** là nên nắm lấy, **phá** là tan vỡ, **nguy** là không yên ổn, **thành** là đạt được điều hay, **thu** là nhận lấy, **khai** là mở mới, **bế** là dừng, là tắc. Theo như thế mà chọn lấy điều mong muốn khi định kích thước nhà và các bộ phận nhà. Kích thước lại được luận đoán theo lành dữ rất khiên cưỡng. Chẳng hạn như kiến là nguyên cát (gốc của điều lành), trừ là sáng sủa, mãn là thiên hình, bình là quyền thiết (uốn lười), định là kim quý (thước vàng), chấp là thiên đức, phá là xung sát, nguy là ngọc đường, thành là tam hợp, thu là tặc kiếp (cướp giạt), khai là sinh khí, bế là tai họa. Nên chọn kích thước theo kiến, mãn, bình, thu. Kích thước chấp nhận được là trừ, nguy, định, chấp. Thành, khai dùng tốt. Hết sức tránh các kích thước trong bộ bế, phá. Chiều rộng nhà không chọn mãn, bình, thu, bế. Chiều dài nhà lấy theo trừ, định, chấp, khai. Số "bộ" của nhà hợp với qui tắc trừ, định, chấp, nguy, khai, kiến thì ở trong nhà ấy sớm sinh quý tử. Nhà có số "bộ" hợp với qui tắc trừ, định, nguy, khai, chấp, kiến thì người trong nhà mau thăng quan tiến chức.

Thuật phong thủy hết sức coi trọng sự mở cửa của nhà. Cửa, cổng, đón đưa môn khí mà như lý khí luận thì môn khí cùng với địa khí là hai tiêu chí quan trọng nhất của ngôi nhà. Cửa có thể tiếp thiên khí nếu hướng lên trên, hướng xuống dưới thì tiếp địa khí, đón lành, tránh dữ. Để quyết định cửa của ngôi nhà, cần cân nhắc phương vị của cửa, xem cửa nên mở ra không gian nào, chiều cao, bề rộng của cửa, vật đối diện với cửa đều hết sức quan trọng. Cửa nhìn ra không gian thoáng đãng để có thể, khi ngược lên thì ngắm trăng, nhìn mây, coi ngang tầm mắt thì ngắm cây, nhìn hoa, đẹp biết mấy.

Sự trần thiết trong nhà cũng có những qui tắc theo phong thủy. Nơi đặt bài vị thờ cúng tránh đối diện với phương Thái Tuế. Đặt bài vị vào các năm Tí, Sửu, Dần, Hợi kiêng quay mặt hướng Bắc. Đặt bài vị vào các năm Mão, Thìn phải kiêng quay mặt hướng Đông. Các năm Tỵ, Ngọ, Mùi kiêng quay mặt hướng Nam. Các năm Thân, Dậu, Tuất kiêng quay mặt hướng Tây. Như thế, theo phong thủy, mỗi năm phải đặt lại bài vị một lần. Xưa nay, nhiều nhà chỉ đặt hướng bài vị một lần đầu có phải họ làm ăn sa sút.

Còn tổ chức không gian trong kiến trúc mặt bằng cần theo những qui định cũng khá chặt chẽ như cần đảm bảo các qui tắc đối xứng, ngay ngắn, rộng hẹp. Cây cối trong kiến trúc sân vườn của khuôn viên nhà ở cũng cần cẩn thận. Trồng cây dâu trước nhà là điều kiêng kỵ vì điều đó đồng nghĩa với tang môn thân. Đó chẳng qua vì tiếng Tâu, tang là dâu, đồng âm với tang là nhà có đám nên kiêng mà thôi. Sau nhà lại không

nên trồng cây hoè mà phải trồng ở nơi đón khách. Đó vì muốn trình ra cái chí tam công nguyệt ước. Truyện xưa kể Vương Dụ thời Tống trồng ba cây hoè ở sân trước và nói: "Hậu thế của ta sẽ có người làm đến tam công (tư mã, tư đồ, tư không) thật là thoả chí của ta".

Phong Thủy bắt đầu phát sinh từ Tiên Tần bên Tàu, dai dẳng kéo dài đến bây giờ còn nhiều người bị ảnh hưởng.

Thuật phong thủy, trên thì xem thiên văn, dưới xét địa lý. Lý thuyết cơ bản từ học thuyết thái cực, âm dương, ngũ hành, tinh tượng cực kỳ bí hiểm. Thày phong thủy thêu dệt chuyện li kì, gán ghép nhiều sự kiện lịch sử, thổi phồng sự trùng hợp ngẫu nhiên tô cho phong thủy màu sắc kỳ ảo, làm cho dân chúng cảm thấy thần bí.

Hãy hỏi có vua chúa nào xây cung, đặt mộ mà không vờ thày phong thủy tham mưu chính cho mình. Nhưng có đời vua chúa nào vĩnh hằng tồn tại. Khi thuận thời, nhà xây cho thuê khen được thày đặt đất, coi hướng làm nhà. Khi ế ẩm khách thuê như mấy năm nay, gia chủ ai nữ trách tại thày phong thủy.

Thiết kế kiến trúc giải quyết tốt công năng, kết cấu bền vững, đường dáng hài hoà, gia chủ phấn khởi làm nên ăn ra. Đó là cái phong thủy tốt nhất cho người sắp làm nhà vậy./.

Bạn có biết?

KIẾN TRÚC NHÀ Ở VÀ PHONG THỦY

Gs Mộc Thiên

Người Trung Hoa cổ đặt ra "nghĩ lễ" hết sức tôn trọng sự ngay ngắn, có trục đối xứng trong mặt bằng kiến trúc vật. Những người già ở nước ta theo Nho học cũng hết sức chú trọng qui tắc này. Tôi có một kỷ niệm về ông của một người bạn thân khi còn nhỏ. Thấy tôi theo học chút ít Hán tự, cụ rất mến. Có một tết tôi được hầu cơm cụ. Người nhà đặt trong mâm đĩa bánh trưng cắt hai nhát chéo theo bốn điểm góc bánh và hai nhát thẳng theo trục đối xứng các phương từ giữa bánh. Đây là cách cắt bánh trưng vuông thông thường ngày Tết. Cụ bắt người nhà đổi chiếc bánh khác và nói: "Anh đây được ta xem như người quân tử, và người quân tử bất chính bất thực". Ý nói người quân tử không chính đáng, không ăn, nhưng cũng có nghĩa cắt chéo, không vuông vức, không ăn. Người nhà phải đổi chiếc bánh khác và cắt theo 16 miếng vuông, mỗi cạnh 4 miếng.

Nhà cổ Trung hoa đều làm sân phía trước và có tường rào vây quanh. Tường rào là biên giới ngăn cách thế giới trong nhà và xã hội bên ngoài. Nó phản ánh bộ mặt thăng trầm của đời sống bên trong ngôi nhà. Tường rào nên bao khu đất tròn chứa ngôi nhà hình vuông. Đó là vì người xưa nghĩ theo thuyết trời tròn, đất vuông đạt lý là đất trời hoà hợp, con người yên vui. Vào cổng là đến diện tích có mái nhưng không

vây tường gọi là **đình**. Qua sân đến phòng lớn ta hay gọi là sảnh, người xưa gọi là **đường**. Phía sau đường là phòng ngủ gọi là **tẩm**. Bên trái cũng như bên phải đường là **sương**, còn gọi là hiên nhà. Bên trái và bên phải sân là nhà học. Như vậy, quanh sân, phía cổng là đình, phía sau là đường, bên phải, bên trái là nhà học.

Tuỳ theo sự bố trí kiến trúc khi làm nhà hay khi sửa nhà, thầy phong thuỷ đặt ra cách gọi thêm các không gian cho tổ hợp mặt bằng kiến trúc nhà ở. Chẳng hạn như phòng mới coi nối vào trước hoặc sau phòng đã có thì gọi là phòng mới cắm cánh (xáp xí phòng). Nhà coi nối thêm hai bên **đường** gọi là cấy thêm tai cho đường (song nhĩ phòng). Đằng trước hay sát sau **đường** làm nhà nhỏ tách riêng nhưng tổng thể gắn trong kiến trúc chung gọi là nhà để cầu tự (bốc đình phòng), v.v...

Phòng ốc chia theo năm hình dáng trong ngũ hành: Kim, Mộc, Thủy, Hoả, Thổ.

Phòng có dáng Kim là phòng rộng, thoáng, bốn phía quanh phòng đều có hiên và từ các hiên có thể nhìn thấy nhau qua phòng (tứ diều). Phòng dáng Mộc có nóc nhà cao, cũng có hiên bốn phía. Phòng dáng Thủy nghiêm chỉnh, tinh khiết. Phòng dáng Hoả, có tường vây ba mặt lưu giữ gió (ốc vũ tàng phong), nóc nhà không được nhọn. Phòng dáng Thổ, ốc vũ vuông vức, ngay ngắn, bốn mái hiên bằng nhau, tường không được lồi, lõm. Ngược với điều vừa mô tả là nghịch, không tốt. Thí dụ, Phòng có dáng Kim mà một phía không có hiên để cho khô cạn, phòng dáng Mộc lại có một mái cất thò lên, phòng có dáng Thủy mà xiêu vẹo, dáng Hoả mà thon nhọn, dáng Thổ mà rũ xuống, đều là những phòng không tốt.

Thầy phong thuỷ gắn dáng phòng, dáng nhà với điều lành, dữ. Chúng tôi chưa tìm thấy cơ sở khoa học để giải thích cho những điều lành dữ kiểu này. Thí dụ thầy bảo nhà kiểu chữ Kim, đầu bằng, người ở được giàu sang, lắm con, nhiều cháu. Nhà kiểu chữ bát người sống trong nhà nghèo khổ, mồ côi. Nhà hình cái quạt thì người chủ nhà vất vả, lênh đênh.

Có những điều mà theo chúng tôi thì thầy phong thuỷ đã lấy cảm nghĩ của mình để luận đoán, ghép cho người chủ nhà phải chịu những suy tưởng do thầy nghĩ ra như là quá giang nhà nhỏ mà cột to quá cỡ thì đây tở khinh chủ nhà, hay như cột nhỏ, quá giang to thì chủ nhà luôn bị thiên hạ áp đảo, bắt nạt.

Một số qui tắc mà thầy phong thuỷ yêu cầu khi làm nhà phải tuân theo, có lẽ do sự tiện nghi sử dụng nhưng lại được gắn với điều lành dữ nên làm cho không khí phong thuỷ khi xây dựng nhà ở trở nên thần bí. Thí dụ cao trình nền nhà thì thầy phán là phía trước nên cao để phía sau thấp dần. Điều này ngược với thuật phong thuỷ về qui hoạch độ cao quanh nhà: thế đất làm nhà mà trước nhà cao, vào nhà thấp bị gọi là **thế vệ thổ cư** mà thầy phong thuỷ cho là người ở trước giàu, sau lụn bại thành nghèo dần. Mặt bằng nhà thì nên trước hẹp, sau nở rộng ra. Gia chủ rất sợ thế đất thắt đuôi chuột vì nghĩ rằng cửa cái trong nhà ngày

một mồn giảm đi như cái đuôi chuột, càng dài càng teo lại. Mặt bằng khu đất mà lẹm ở bốn góc phải tránh xây nhà. Đúng là miếng đất vuông vức thì dễ bố trí nhà nhưng biết phân chia miếng đất ra, chọn lấy hình vuông vức làm nhà, đầu thừa cho cây cảnh, hòn non bộ cũng đâu có xấu.

Thầy phong thủy cho rằng bề sâu nhà dài hơn mặt tiền thì phúc trạch dài lâu. Mặt tiền rộng hơn chiều sâu thì của cải vào nhà rồi lại ra nhanh. Điều này chưa đủ luận cứ. Cửa cải là do làm ăn sinh ra. Vào ra lâu, nhanh do chính sách của người sử dụng. Bây giờ có mặt tiền nhà rộng là có điều kiện tiếp xúc với thị trường dễ dàng, nếu có chính sách kinh doanh tốt, lưu giữ của cải đâu phụ thuộc lòng nhà nông, sâu.

Thuật phong thủy lại có những cách suy diễn khó chấp nhận như gấn số phòng trong một ngôi nhà với cát hung. Thí dụ như nhà một phòng thì không nói làm gì, hai phòng chấp nhận được, ba, bốn phòng thì không nên, năm, sáu, bảy phòng là tốt nhưng tám phòng lại không tốt. Sự nên hay không nên không có sơ sở nào về bố trí kiến trúc lý giải được. Tại sao lại là nên hoặc không nên như thầy phong thủy võ đoán, điều này còn mơ hồ.

Kiến trúc theo phong thủy Trung hoa rất coi trọng thành tố ngôi nhà. Nhà có kho chứa lương thực thì kho thuộc Thổ, nên bố trí tại phương Thổ sẽ được sinh vượng. Theo ngũ hành chính kinh thì Thổ nằm giữa nhà. Có lẽ vì vấn đề bảo vệ lương thực nuôi sống gia chủ mà thầy khuyên thế chăng? Theo chúng tôi đây là sự luận đoán Ngũ hành tương sinh và tương khắc một cách máy móc mà ra khuyến cáo này.

Hiện được phong thủy coi là tay chân của ngôi nhà. Khi đã coi như thế, thầy phong thủy ví luôn, không có chân tay thì thân thành vô dụng. Như thế, vì tuân theo phong thủy mà nhà nhất thiết phải có hành lang, có hiên. Có hành lang sau phải có hành lang trước (vì qui tắc đối xứng), điều đó giống như có hành lang trái phải có hành lang phải. Đây là những lý lẽ câu nệ theo một " nghi lễ" vuông vức, đối xứng, cân trực mà ra. Thực chất, nền văn hoá theo Nho giáo Trung Hoa muốn hình thành khuôn phép chuẩn mực trong chữ " chính" cho người quân tử.

Bố trí nội thất cũng được phong thủy chú ý khá cẩn thận. Quan trọng trong việc trăn thiết một ngôi nhà là sự bố trí ban thờ. Đặt bài vị vào các năm Tí, Sửu, Dần, Hợi kiêng quay về hướng Bắc. Đặt bài vị vào năm Mão, Thìn, kiêng quay về hướng Đông. Đặt bài vị vào các năm Tị, Ngọ, Mùi, kiêng quay về hướng Nam. Các năm Thân, Dậu, Tuất, kiêng hướng Tây. Như thế, nếu muốn tốt thì mỗi năm phải quay hướng ban thờ một lần. Thật là nhiều khê, phiền toái. Lắm nhà chẳng có ban thờ mà họ vẫn tồn tại, ăn nên, làm ra. Đại bộ phận các nhà giữ vị trí ban thờ hết năm này qua năm khác mà đâu có lụn bại.

Giường không nên kê đối diện với cửa buồng hoặc gương soi. Gâm giường không để các thứ cũ nát. Nằm ở giường nhìn lên trên không được dưới xà ngang. Điều này nghe cũng hợp lý. Đối diện với cửa dễ cảm lạnh, đối diện với gương dễ có ảo giác, vật cũ nát dưới gầm là ổ chuột, bọ, xà trên đầu nếu có sự cố rơi trúng mặt chết ngay.

Hướng bếp không được đối diện với cửa buồng. Cửa bếp tránh hướng nhà hàng xóm nhìn thông thẳng vào bếp. Cửa bếp không đối diện với cửa chuồng gà. Cửa bếp không nhìn ra đường cái. Những lời khuyên này chân thành không phải vì thuật phong thủy mà vì sự an toàn, vệ sinh cho người sử dụng.

Phong thủy bàn về nhà ở không chỉ những điều trên đây nhưng những điều này là những ý chính cho nhà ở. Về nhà ở, tiếng Trung Hoa dùng chữ trạch. Trạch là nhà ở đồng nghĩa là sự lựa chọn. Như thế, tiếng Trung Hoa đã bao hàm, làm nhà phải lựa chọn thế đất, vị trí đất và lựa chọn cách tổ hợp kiến trúc, lựa chọn vật liệu cũng như phương thức xây nhà. Chính sự lựa chọn các giải pháp trong nghiên cứu kiến trúc cũng là một phương pháp hành nghề kinh điển của kiến trúc sư ngày nay./.

ĐỊA LÝ- PHONG THỦY- KHAM DU

PGs LÊ KIÊU

Nhà Đường bên Tàu bắt đầu khoảng năm 618 dương lịch, tiếp tục chiếm giữ nước ta sau nhà Tùy, trong sử sách tạo nên thời kỳ nước ta bị Bắc thuộc lần thứ ba trong 336 năm. Thời kỳ này có các lãnh tụ nước ta như Mai Hắc đế (722), Phùng Hưng (791) nổi lên chống Tàu và làm vua từng thời đoạn ngắn.

Truyền thuyết kể rằng về đời Đường Trung tôn có Cao Biền được phong An nam Tiết độ sứ sang đô hộ nước ta là người giỏi địa lý. Ngoài nhiệm vụ cai trị , Cao Biền còn điều tra đất đai nước ta nhằm mục đích yểm những thế đất kết lớn sẽ sinh ra người chống Tàu. Việc yểm phá của Cao Biền không thành công vì các vị thần linh của sông núi nước Việt đã làm thất bại âm mưu này. Tiêu biểu là các vị thần núi Tản viên và thần sông Tô lịch. Cao Biền đã dâng cho vua Đường sách " Cao Biền Tấu thư Địa lý Kiếu tỵ" về các thế đất mà người này đã điều tra được để xin được duyệt y để yểm phá.

Địa lý được người Tàu hiểu là phong thủy trong một thời gian dài. Gọi là phong thủy có tính khái quát hơn và chỉ đúng đối tượng hơn về một hiện tượng văn hóa Tàu , tồn tại dai dẳng hàng nghìn năm nay.

Phong thủy không phải như người ta nghĩ là thuật đặt mả, tìm hướng nhà, mà là cả một biển kiến thức mênh mông. Phong thủy vừa là lý luận, vừa là thực hành, vừa là văn hóa, vừa là khoa học. Thái độ đọc phong thủy không phải chỉ là thu nhận thông tin mới mà còn là sự cảm thụ thiên nhiên nhận biết được cái mênh mang của đất trời, ra cái rung động khi đứng trước cái bao la của vũ trụ, cái thành kính khi nghĩ về người xưa, cái nhân từ khi nhìn người nay.

Vậy phong thủy là gì?

Có hai khái niệm mà nhiều người hòa trộn thành một đó là phong thủy và thuật phong thủy. Phong thủy nếu duy danh định nghĩa là gió và nước. Gió và nước tạo nên khái niệm đất trời bao la. Cụ thể hơn thì phong thủy là địa thế, địa hình, địa mạo, thủy văn, phương hướng, trạng thái vi khí hậu của khu đất là đối tượng xem xét. Phong thủy là một tồn tại khách quan của một khoảng nằm trên vỏ trái đất. Phong thủy là môi trường vật chất chứa đựng con người trong đó. Thuật phong thủy là những suy nghĩ, luận lý của con người và cách thích ứng cuộc sống của mình khi nằm trong cái phong thủy ấy. Như thế phong thủy là khách quan, tồn tại ngoài ý thức con người còn thuật phong thủy là sản phẩm của ý thức liên quan đến phong thủy. Đây chính là sự cảm thụ của con người về thiên nhiên quanh ta, tìm hiểu về nó mong vận dụng những luận lý hay kinh nghiệm tìm được ấy đem đến một cuộc đời cho mình và người thân của mình tốt đẹp hơn.

Phong thủy còn được gọi dưới cái tên khác : kham dư. Kham dư có nghĩa là trời đất. Kham là trời, dư là đất. Nhận thức kiểu thuật phong thủy thì kham là thiên đạo (đạo của trời), dư là địa đạo (đạo của đất). Kham còn có nghĩa nữa là đột (xuyên) để chỉ phần đất nhô cao khỏi mặt bằng. Kham cũng còn có nghĩa là khám để chỉ sự điều tra địa hình địa mạo trên mặt đất, mạch nước chảy lộ hay chảy ngầm dưới đất. Cũng hiểu theo thuật phong thủy thì kham dư không còn chỉ có nghĩa là trời đất, là tồn tại khách quan như trên đã dẫn mà kham dư để chỉ quý thần, chỉ phần hồn đặt ra nhận thức về trời đất. Như thế, nói về kham dư là nói về đất trời và những xúc cảm về đất trời.

Đêm cuối năm âm lịch với người Việt mình chẳng hạn, chẳng khác lạ nhiều với vài đêm trước đó, nhưng là đêm cuối cùng của một năm đã qua mà cũng là đêm khởi đầu của một năm mới, với phong tục dân gian, với sự rung cảm trước đất trời, khi cúng giao thừa, con người có một cảm giác thành kính lâng lâng đặc biệt. Mỗi người có một trình độ học vấn khác nhau, đời sống tinh thần của mỗi người khác nhau nên sự cảm nhận thiên nhiên cũng có những khía cạnh khác nhau. Như thế, phong thủy hay kham dư cùng với thế giới bên trong con người hòa quyện với nhau thành một hiện tượng văn hóa. Phải chăng thuật phong thủy là sự tính toán của con người về những điều kiện của môi trường thiên nhiên mong chọn cho mình điều lành, tránh điều

dữ. Phong thủy đã thành một tập tục dân gian lưu truyền lâu đời ở nước Trung hoa, ở nền văn hóa Trung hoa và những nền văn hóa chịu ảnh hưởng Trung hoa, một loại học vấn về hoàn cảnh có liên quan đến con người, có phương pháp luận riêng của mình.

Nhận thức đất trời mà thực chất là nhận thức thiên nhiên tùy thuộc ở mỗi người tạo ra vũ trụ quan của mỗi người. Mỗi người vì là một chủ thể riêng nên nhận thức về đất trời cũng rất riêng. Người thì tìm hiểu ở đất trời mong thấy cái khóa chung để mang thực nghiệm làm cho cuộc sống khá hơn. Lại có một số người thì tự coi mình là thủy tổ của những tri thức về đất trời để rồi mưu cầu danh lợi. Nhưng đất trời thì bao la mà sức người, trí người lại có hạn, lòng người vô tận vô cùng, tốt có, xấu có, vô tư có, tham lam có, công minh có, vụ lợi có, đã làm cho sự cảm nhận đất trời của phong thủy trở thành một mớ bòng bong. Một thời gian dài thuật phong thủy bị coi là mê tín. Tuy giấy mực bàn về phong thủy không ít nhưng nó nhiều quá, phức tạp quá. Người bàn lại đứng trên cái tôi của mình nên có cách bàn thật tường minh, không ít người làm thêm cho vấn đề đã phức tạp trở nên mịt mù (man thư, man ngôn). Vì thế, có người cho phong thủy là học vấn, người khác cho là hệ thống đánh giá cảnh quan, nhưng cũng có những thời gian dài, thuật phong thủy bị cấm bàn bạc, bị coi là sai trái.

Một thực tế khách quan là thuật phong thủy đã tồn tại, khi tỏ, khi mờ. Người viết về phong thủy một cách khách quan cũng lắm mà kẻ viết nó như một thứ gì đó thần bí cũng chẳng ít hơn. Cụ Tả Ao xưa được coi là nhà Địa lý Phong thủy có tài ở nước ta đã nhận xét: Người làm địa lý thực thì ít, người dựa vào địa lý để mưu sinh thì nhiều, người nghiên ngẫm uyên bác, hành nghề theo đúng lương tâm thì ít, mà kẻ đội lốt lừa người cũng lắm.

Cụ viết trong Địa đạo diễn ca :

Kìa ai địa lý vô tông
Chẳng cứ đúng phép cũng dòng vô sư.

Đúng sai mập mờ, thật giả lẫn lộn. Nhưng chúng ta hãy cùng nhau đọc phong thủy và thuật phong thủy theo một cách nhìn mới của phương pháp luận khoa học biện chứng, chúng ta tìm ra những khía cạnh của hiện tượng văn hóa và đồng thời cũng nhìn ra những điều nào chưa đủ căn cứ biện minh để mở rộng tầm nhìn của mình.

Như thế, theo cách nhìn hiện nay thì trong phong thủy và thuật phong thủy có những phần tồn tại khách quan được xếp vào loại khoa học thực nghiệm. Đó là những phần xét ảnh hưởng của phong thủy, của môi trường ảnh hưởng đến tâm lý, sinh lý con người sống trong môi trường ấy. Cũng như vật lý học, phong thủy xác định sự việc thông qua quan sát các sự kiện và xác nhận các sự việc này thông qua quan sát tiếp. Sau khi phân loại và phân tích các sự việc này, người nghiên cứu tìm kiếm những mối liên hệ nhân quả

mà họ tin là đúng. Khi khái quát hóa hay là những giả thiết đã được kiểm định về mức chính xác và dường như đúng, phản ánh và giải thích được thực tại và do đó có giá trị dự báo cho cái gì xảy ra trong những hoàn cảnh tương tự, chúng sẽ được gọi là nguyên tắc.

Thuật phong thủy giới thiệu một số nguyên tắc mà các nguyên tắc này lại phụ thuộc lẫn nhau tạo nên một mạng kiến thức lớn. Lớn đến mức mà còn rất nhiều lỗ hổng chưa được bồi đắp hoặc đã bồi đắp hàng ngàn năm nay mà vẫn như ném viên sỏi xuống hồ nước rộng. Nhận thức phong thủy không chỉ bằng óc mà còn cảm nhận phong thủy bằng con tim của mình nữa. Để nhận biết thuật phong thủy phải dày công nghiên ngẫm. Để hành nghề phong thủy lại khó khăn hơn chứ không phải như man sư tự nhận cho mình được có cái tài riêng nhận biết theo kiểu tâm linh mà khuyếch danh, vụ lợi. Phong thủy là khoa học thực nghiệm cho nên biết trong sách chưa đủ mà phải biết ngoài đồng, phải am tường thực địa. Cụ Tả Ao đã viết:

Chẳng qua ra đến ngoài đồng
Tỏ mạch, tỏ nước, tỏ long mới tường...

Như thế, cụ Tả Ao đã đi vào cái cụ thể trong phong thủy. Một số sách viết hay dịch gần đây cũng đi vào cái cụ thể này. Cụ thể là cái sờ được, thấy được của phong thủy, là cái hành trong cái tri. Như đã đề xuất, phong thủy là dạng khoa học thực nghiệm, từ cái hành mà tìm ra những nguyên tắc để tri. Từ cái tri soi rọi cho cái hành. Quá trình nghiên cứu phong thủy là quá trình tri hành đan xen, phối hợp.

Nếu xếp phong thủy là một đặc trưng văn hóa thì thuật phong thủy cũng có những lý luận cơ bản, cũng có những tri thức cơ sở.

Giống như nguồn gốc của nhiều văn hóa Trung hoa thì lý luận cơ bản của phong thủy vẫn là kinh Dịch. Tri thức cơ sở của phong thủy vẫn là thuyết âm dương, ngũ hành. Lấy cái thấy được của tồn tại khách quan, đem nền tảng kiến thức của kinh Dịch, phương pháp của ngũ hành để xây dựng luận lý của phong thủy. Đây là phương pháp luận cơ bản của phong thủy.

Cái khổng lồ về kiến thức của kinh Dịch, cái biến hóa khôn cùng của âm dương ngũ hành đã làm cho người nghiên cứu về phong thủy trở nên thày bói xem voi, càng nghiên cứu càng thấy mình nhỏ bé, càng tìm hiểu càng thấy kiến thức của mình chẳng đáng bao nhiêu, càng suy ngẫm thì thấy mình càng phiến diện. Đây là những cảm nhận đầu tiên của người đi tìm thuật phong thủy. Điều này cũng là nguồn gốc cho phong thủy trở nên thần bí. Thuật ngữ sử dụng khó hiểu với người ít học hoặc ít quen với chữ Hán, chuyện thêu dệt cho ly kỳ, cho thêm huyền bí lại quá nhiều làm cho phong thủy trở thành cái gì đó linh thiêng, tạo thành khu vực màu mỡ cho những thày rơm (man sư) có đất tung hoành.

Phong thủy xưa bao hàm âm dương học, địa lý học và thuật số.

Âm dương học nghiên cứu về thiên văn, tinh tượng. Âm dương học cũng luận về địa lý là nơi con người sinh trưởng và nhìn thấy trời. Phương pháp luận của âm dương học là âm dương ngũ hành. Âm dương học cũng chỉ được công nhận chính thức từ triều Nguyên (Chí Nguyên, năm thứ 28) mà đối tượng là quan sát sự vận hành của vũ trụ, dự báo thời tiết, đoán lành dữ của hiện tượng thiên văn, xem đất làm nhà, đặt mồ mả, xem ngày, định lịch... Đến đời Minh, từ Hồng Vũ, năm Bính dần, ngày 5 tháng 5, Vua Hồng Vũ cho vời Lý Bá Truyền đến luận đàm về phong thủy, Lý Bá Truyền dâng Hồng Vũ Cấm Thư. Từ đấy triều đình chính thức đặt chức quan về âm dương học. Mỗi phủ, châu, huyện có một chức quan chuyên lo về giảng dạy và quản lý các công việc về âm dương học.

Phong thủy nghĩa hẹp có thể chỉ coi là những tri thức về địa hình, địa mạo, núi non, sông ngòi. Có một thời gian dài đến vài trăm năm, phong thủy ở Trung hoa bị gom vào môn địa lý. Cũng có nhiều triều đại lại coi phong thủy như là thuật số. Phần nhiều những người làm thuật số lại là man sư nên làm ảnh hưởng đến phong thủy, làm phong thủy lu mờ một thời. Nhưng phong thủy vẫn tồn tại vì bản chất nó là một hiện tượng văn hóa. Mỗi thời đại có những thay đổi theo tiến triển khoa học công nghệ của nó. Nhưng văn hóa ghi lại đời sống tinh thần của con người của một thời, không lý gì mà đời sau lại không tìm hiểu. Đọc lại phong thủy theo một thái độ khách quan cũng là điều bổ ích. Không võ đoán, không định kiến, chưa đủ mức độ vững chắc của luận cứ thì chưa tin. Gạn đục khơi trong để tìm hiểu một hiện tượng văn hóa đã tồn tại hàng ngàn năm là điều cực kỳ khó./.